

INDO-C'

8
2282

AN THỨ NHÌ

Và có chính đôn lại

LEGAL
INDOCHINE

N^o 22.233

ĐẠO PHẬT THÍCH-CA

PHẬT NGÔN

THIỆT LỤC

Đường thể mật-mù, trăm năm đầy tội,
Cửa thiền thanh-tịnh, muôn kiếp nên duyên

SOẠN-GIẢ :

LÊ-VĂN-GIẢNG



1936

Imp. DUC-LUU-PHUONG

158, Rue d'Espagne

SAIGON

2282

THE HISTORY OF THE

REIGN OF KING CHARLES THE FIRST

BY JOHN BURNET

IN TWO VOLUMES

LONDON

Printed by J. Sturges, in Strand

1724

Printed by J. Sturges, in Strand

1724

PHẬT-GIÁO LƯỢC LUẬN

Quyển kinh này, tôi rút trong các chơn kinh phiên dịch ra, kể từ Thái-Tử Sĩ-Đạt-Ta xuất gia tu hành cho đến khi ngài được thành Phật hiệu là Thích-Ca Mâu-Ni, rồi ngài trở về mở đạo, thuyết pháp 45 năm, dạy chúng sanh tu thành vô số kể.

Điều lý của Phật gồm trong Tứ-diệu-đề, nên Phật Thích-Ca có giải như vậy :

- 1'--- Đây là cái khổ, cái khổ này ta phải hiểu, ta đã hiểu rồi.
- 2'--- Đây là nguồn cội của cái khổ, nguồn cội cái khổ này ta phải diệt, ta đã diệt rồi.
- 3'--- Đây là diệt cái lòng thương muốn, diệt cái lòng thương muốn này, ta phải dứt, ta đã dứt rồi.
- 4'--- Đây là con đường đi để diệt cái lòng thương muốn, con đường đi để diệt cái lòng thương muốn này ta phải hành, ta đã hành rồi, nên ta mới được thành Phật.

Trong mỗi đề, ngài đã dạy phân minh. Đề nào thì ngài cũng đã cùng cứu, nên ngài mới được chứng quả.

Phật lại có giải rằng :

Các thầy Tì-Kheo này, có một người kia, đang đi vào rừng, người gặp một con đàng mòn, người theo con đàng mòn ấy, thấy một nơi có cả thành thị, mà đã hư nát ; người mới thăm nghĩ : để ta trở về xin tâu cùng vua dựng tu bổ lại. Thật vậy, người về tâu, vua nghe theo, bèn sửa sang nơi ấy lại, rất nên nguy nga đẹp đẽ.

Các thầy Tì-Kheo này cũng như ta đây, ta đã tìm được một con đàng, nhờ đó nên ta mới được thành Phật, mà chư Phật đời quá khứ, hiện tại và vị lai, cũng nhờ con đàng ấy mà được thành chánh quả. Vậy, ta nay đem ra chỉ cho chúng-sanh đặng biết, nếu ai muốn thành Phật như ta, thì cứ noi theo con đàng ấy mà đi, Bằng chúng-sanh không chịu, thì ta cũng chẳng biết làm sao. Các thầy Tì-Kheo này ! Con đàng ấy, tức là Đạo-Bát-Chánh vậy.

Vậy mình hãy suy xét lấy.

Làm Phật thì ai ai cũng muốn, nhưng biết muốn mà không chịu noi theo con đường Phật đã chỉ cho, thì chẳng khác nào mình biết đói, mà khi thấy cơm lại không chịu ăn, thì biết bao giờ mới no được.

Lời tục thường nói : « Lánh tục tầm tiên ». Còn mình muốn tìm tiên, mà sao không chịu lánh tục, thì tìm sao cho được. Trần tục, là bụi nhơ, mà đêm ngày mình vẫn sa-mê theo nó, thì mình phải vương nhơ, vương nhơ thì phải mê-muội, nếu đã mê muội, ắt phải luân hồi.

Có nhiều người ít hay xét cho kỹ 2 câu chữ Nho rằng :

« Dục tu Tiên-Đạo, Tiên tu Nhơn-đạo,
« Nhơn-đạo bất tu, Tiên-đạo viển hĩ ».

Xin giải : THÍCH có tam qui, đối với NHO có tam hủy ;

Qui y Phật...	đối với nho...	Hủy thiên
Qui y Pháp...	— — — ...	Hủy thánh-nhơn
Qui y Tăng...	— — — ...	Hủy thánh-nhơn chi ngôn.
Ngũ giới...	— — — ...	Ngũ thường
Bất sát-sanh...	— — — ...	Nhơn
Bất du-đạo...	— — — ...	Nghĩa
Bất tà-dâm...	— — — ...	Lễ
Bất âm-tuõu...	— — — ...	Lí
Bất vọng-ngũ...	— — — ...	Tín

Dường ấy, mình suy đi xét lại, coi có khác nhau đâu ; nào có phải tu Phật-đạo mà bỏ nhơn đạo sao ? Theo Thích, thì tu Phật-đạo mà hàm-súc cả nhơn-đạo vào trong nữa, có phải là : nhứt cử lưỡng tiện chẳng ? Chớ nói để làm người cho trọn dả, thì biết bao giờ mới được trọn ; lật bật cái chết nó đến, rồi ăn năn sao kiếp.

Trong sách có nói rằng :

Vạn kiếp thiên sanh đắc cá nhơn,
Tu tri tiền tuệ, chưỡng lai nhơn,
Thử thân bất hướng kim sanh độ,
Cánh hướng hà thời độ thử thân.

Thích nôm

Muôn kiếp ngàn sanh dựng phẩm người
Cho hay đời rước giống gieo tươi,

Mình này chẳng tới đời này độ,
Còn đời huỗi nào độ lấy người.

Có làm người mới có tu được.

Tại sao vậy ?

Tại, con người là linh hơn muôn vật, bởi nhờ có trí bát-nhã, gọi là tri-huệ, mới có phân-biệt phải quấy, bỏ tà theo chánh, lánh dữ làm lành, vậy mới có thành Phật nên tổ đặng. Bằng không có tri-huệ dường như kẻ đại khờ, mò điếc, hắc bạch nan phân, thì làm sao mà tu hành được.

Tu là gì ?

Tu là sửa lòng, bỏ tà theo chánh, lánh giả tìm chơn.

Giả là : « Thế sự vạn ban đô thị giả ».

Chơn là : « Thiên địa hoại Niết-Ban bất hoại ».

Tu phải lấy chi làm căn bản ?

Phải qui-y Phật, qui-y Pháp, qui-y Tăng.

Qui-y Phật là : kính tin theo lời Phật, học ở theo tánh Phật là Từ, Bi, Hỷ, Xả.)

Qui-y Pháp là : làm theo kinh, luật, luận của Phật đã giáo truyền, nhưng mình phải nhớ, Phật có dạy A-Nam-Da Tôn-Giả rằng :

A-Nam-Da này : Khi ta diệt đô rồi, các người chớ nên tưởng, không còn ai là thầy của các người nữa Tuy là Ta nhập Niết-Ban, nhưng Ta còn để pháp lại, Pháp ấy tức là thầy của các người đó. Nhưng, các người phải nhớ lời Ta dặn : Dầu ngày sau, có ai nói rằng : ta có nghe Phật giảng dạy cách này, hoặc cách kia, thì các người cũng khoan tin vội, mà cũng đừng bỏ vội. Nghe rồi hộp phải xét lại, như lời ấy đúng theo chơn-lý, ấy là lời của Ta truyền. Bằng không đúng theo chơn-lý thì là lời bịa-dặt, các người phải dè-dặt lấy.

Qui-y Tăng là : Phải ăn mặc theo Phật, giữ giới luật cho chỉnh-chắn, tu hành theo con đường của Phật Tổ Trích-Ca đã giáo truyền.

Vậy, nay mình sớm thức tỉnh, biết tu là cội phước, mình tu, cũng khuyên cha mẹ, vợ con tu theo, Bằng cha mẹ vợ

con chưa chịu, thì mình phải rán chí tu, khi đã thành công trở về độ cho phụ mẫu thê nhi, hoàng viên phước quả rồi, thì được an vui đời-dời kiếp-kiếp. Dương ấy, đối với cha mẹ mới thật là người đại hiếu, đối với vợ con mới gọi là chỗ thậm-tinh cho.

Song dễ gì mà tu cho thành Phật-thật? không dễ gì, nhưng có chí thì nên, Phật có nói: Tu đắc, bất tu bất đắc, nghĩa là: tu thì thành, không tu thì không thành. Minh tu theo đạo Phật, thì phải tin theo lời Phật. Ngài là đấng Chí-Tôn, nói đâu có đó.

Mình phải quyết chí tu cho tới cùng, (nhứt tâm bất nhị, chí tử bất thoái) rồi sẽ rõ. Chớ chưa tu, mà sợ không thành, bởi như vậy đâu phải gọi là người tu Phật.

Nếu nói tu không thành, sao lại có Phật?

-- Minh sánh với Phật sao được?

-- Sao lại không được, Phật trước kia, ngài cũng có cha mẹ vợ con như mình, vì ngài xuất gia tu hành, nên mới được thành Phật.

-- Nhờ ngài đã có tu nhiều kiếp, nên ngài mới được thành Phật. Chớ nay mình mới tu, mà muốn thành như ngài vậy sao được?

-- Sao biết rằng mình nay mới tu? Nếu kiếp trước mình không tu, sao nay được làm người, đã được làm người, có đủ ngũ quan, lại còn thêm gặp Phật-Pháp nữa.

Đó là chứng cứ rõ ràng cho mình biết rằng trước kia mình đã có tu nhiều kiếp rồi vậy.

-- Vậy mà tại sao chưa nghe nói có ai tu thành Phật?

-- Là tại họ không tu theo Phật Tổ-Thích-Ca, khi ngài còn làm Thái-tử Sĩ-Đạt-Ta, ngài bỏ ngôi, trốn cha, lánh vợ, lia con vào non Tuyết-lạnh, tu khổ hạnh sáu năm, chịu những màn trời chiếu đất, hành khát xin ăn. Nhờ đó, mà ngài tìm được cái đạo chánh-giác. Còn như mình, ngày chỉ đêm cứ chen lẫn theo vòng trần tục, ảo mộng đảo-diên, chẳng hề tỉnh ngộ, thì có tu đâu mà thành được.

*Tại nơi cảnh trần là bụi nhơ, mà mình phải vương lấy, ấy là lẽ tự nhiên, nếu chẳng lánh bụi nhơ mà muốn trong sạch, thì không thể nào được trong sạch vậy.

Tây có nói : « il ne saurait y avoir des lotus au milieu du feu, ni de dhyana au sein des plaisirs. » Nghĩa là : không thể nào mà có bạch liên trong giữa lửa, cũng không thể nào mà có đại định ở giữa chốn dục tình.

Cũng như mình mê sa theo thế tục, ngày chi đêm cứ toan tính việc giàu sang, túi tham không đáy, nên mình phải bị mắc chốn tối-tâm mờ-ám. Nếu mình phải sạch nợ thế, đề tri cho an tịnh, thì lâu ngày tri được sáng suốt, tức là được mình tâm kiên tánh " là tánh Phật vậy.

— Tu có phải tụng kinh niệm Phật không ?

Trước cũng phải tụng kinh, hoặc xem cho thông nghĩa lý trong kinh mà hành, nhưng thành hay không thành là tại nơi cái sở hành, chớ chẳng phải nhờ tụng khống, mà gọi rằng đủ

Trông Minh-Tâm có mấy câu, như vậy mình cũng nên lưu ý đến.

Lễ Phật giả, kính Phật chi đức,
Niệm Phật giả, cảm Phật chi ân,
Khán kinh giả, minh Phật chi lý,
Tọa thiền giả, đặng Phật chi cảnh.

Nghĩa là :

Lạy Phật ấy, kính đức của Phật,
Tưởng Phật ấy, cảm ơn của Phật,
Xem kinh ấy cho rõ lẽ của Phật.
Ngồi thiền ấy đặng lên cõi Phật.

Kinh chú bốn Từ-Bi, oan kết như bá cứu, nghĩa là : lời kinh, chú vốn dạy hiền lành, còn điều oan kết dường nào cứu đặng.

Kinh Kim-Cang có nói :

Nhược dĩ sắc khiến ngã,
Dĩ âm tinh cầu ngã,
Tị non hành tà đạo,
Bất năng kiến Như-Lai.

Nghĩa là :

« Bằng dùng sắc-tướng mà thấy ta.

« Dùng tiếng-lâm mà tìm ta

« Người đó là làm đạo tà,

« Không khi nào thấy Ta được

Vậy mà mình cũng cứ ham mê theo sắc-tướng, âm thanh, tu-hành như vậy có phải là nghịch hẳn với đạo lý của Phật-Thích-Ca chăng, thì tức là bất năng kiến Như-Lai, nghĩa là không khi nào mà thành Phật được, là vậy.

Phần đông cứ lo làm cho có đồng tiền, chớ mình quên rằng hề được giàu sang rồi thì sanh ra lòng kiêu hãnh, tật đố, làm tướng cho mình hay, giỏi, khôn lanh hơn người; những kẻ yếu thế hơn mình, ít ai dám làm nghịch ý mình, dầu phải, dầu quấy, họ cũng dấn lòng chịu ẹp làm cho mình tự tôn, tự trọng, nói cần làm bươn, không còn biết kiên nê đến ai. Vì đó mà mình tạo nghiệp nhân càng dày, thì biết bao giờ mới trả rồi nợ thế; nợ thế chưa xong thì mong gì mà thoát nơi khổ hải.

Bằng mình nói, làm để lại cho con cháu, thì mình nên nhớ, trong sách có nói rằng:

Uông tác thiên niên kế,

Nhi tôn tự hữu nhi tôn phước.

Nghĩa là:

Uông làm kế ngàn năm

Con cháu vẫn có phước con cháu.

Phước ai nấy gặp, nợ ai nấy mang, chớ chẳng có một ai mà làm thế cho ai được cả.

Nhưng, nay có dư tiền bạc, mình nên bỏ ra để cứu giúp kẻ cơ hàn tật bệnh, in kinh, khuyến thiện, trai tăng bố thí cho các bậc tu-hành

Mình đã nhiều kiếp luân-hồi, thì chúng-sanh cũng có từng làm cha mẹ, bà con mình, nay tuy đối với mình là người đứng kẻ lạ, nhưng mình cũng phải tưởng tới mấy kiếp trước kia, mà hết lòng bác-ái, để cứu vớt nhau mới phải.

Xin chư thiện-nam, tín-nữ hãy suy xét cho cùng. Con người, đến khi mạng chung rồi, thì chẳng có một vật chi mà đem theo mình được hết. Chỉ có tội và phước, nó theo mình cũng như bóng theo hình. Vậy lúc mình còn sanh tiền, thì nên mau mau tỉnh ngộ, tu hành, vì cái chết nó tới không chừng, rủi mà nó đến sớm, thì ăn năn rất muộn vậy.

Tôi nay là người đang học Phật, thấy có đều hữu ích, nên đem ra tỏ bày, đề nhắc nhở bà-con chẳng nệ tài bèn học kém, nếu có sai lầm, xin nhờ các bậc thiện-tri-thức hảo tâm, chỉ bảo cho, thì ân ấy rất nên thâm trọng

Thi rằng

ĐƯỜNG đời lắm nôi, cuộc bi ai;

THẾ sự khác gì, chốn gốc gai.

MỊT mịt hơi sâu, vọng cát tưa,

Mù mù gió thắm, chốn cần dai,

TRĂM lo ngàn liện, gầy oan trái,

NĂM mỗi tháng mòn, vương nghiệt tai

ĐẦY đủ phước hồng, rồi cũng bỏ,

TỘI trường oan báo, khổ liền tay

II

CỬA Phật thàng ngày, chẳng thắm, ai;

THIỆN-môn nào phải chỗ chông gai.

THANH-sơn dâu quân, khanh cùng tướng,

TỊNH-thất nào hay, mào với dai.

MUÔN thuở an vui, hành Bát-Chánh,

KIỆP trần thông thả, lánh Tam-tai.

NÊN chẳng bởi khách, công hầu gấm,

DUYÊN kết Niết-Bàn, được rảnh tay.

Kính

LÊ-VĂN-GIANG

TU CÁCH NÀO MÀ ĐƯỢC CHỨNG BỰC NIẾT BÀN

Đức Phật Thích-Ca-Muni, khi đã thành bậc chánh-đẳng chánh-giác, ngài đi thuyết-pháp trong 45 năm để tế-độ chúng-sanh. Ngài dạy đủ cả 8 muôn 4 ngàn pháp-môn, nhưng nói tóm lại cho dễ hiểu, thì ngài dạy tu TAM-HỌC là : GIẢI, ĐỊNH, HUỆ, để trừ TAM-ĐỘC là : THAM, SÂN SI. TAM-HỌC viên-mãn thì TAM-ĐỘC tiêu-trừ, TAM-ĐỘC diệt thì chúng quã BỒ-ĐỀ.

TU GIẢI-LUẬT để trừ SÂN-HẬN

TU THIÊN-BÌNH để trừ THAM-LAM

TU TRÍ-HUỆ để trừ SI-MÊ.

TU-GIẢI-LÀ :

Phải tri NGŨ-GIẢI, BÁT-QUAN-TRAI-GIẢI, THẬP-GIẢI, SA-DI-GIẢI, TÌ-KHUU-GIẢI — (xin xem quyển LUẬT-TU-TẠI-GIA và LUẬT-TU-XUẤT-GIA của tôi đã có giải).

Đức Thế-Tôn trước khi nhập NIẾT-BÀN, Ngài có nói với ông ƯU-BA-LY và ông A-NAN-DA rằng : sau khi ta diệt-độ thì các người phải lấy giải-luật mà làm thầy. (Xin xem sự quã-báo trong việc tri-giải đã có giải trong quyển LUẬT-TU-XUẤT-GIA của tôi).

Vậy, ta là người tu Phật ; thì chẳng nên quên lời của Phật đã di-truyền.

Tôi xin giải quyết rằng : nếu người tu Phật mà chẳng tri-giải, thì chẳng phải là người tu Phật vậy.

Giải-luật là nền móng đạo. Có Giải-luật thì Tam-nghiệp mới thanh-tịnh, Tam-nghiệp thanh-tịnh thì có định, có định mới phát huệ.

Nếu muốn tu, thì trước hết phải tri-giải ; giải được chính-chân thì đạo mới vững bền. Cũng như muốn cất nhà tốt, thì trước phải đắp nền cho chắc (dục khởi mĩ ốc, tiên trúc kỳ cơ. Chớ đức chẳng tốt, thì chỗ chi đạo chẳng bền (câu

bất chi đức, chi đạo bất ngưng diên). Giải-luật để rèn lòng
sữa nét cho được trong-sạch; công-đức đầy đủ thì lo chi
đạo chẳng thành.

TU-ĐỊNH-LÀ :

Phải tìm ở nơi thanh-vắng, hành theo 40 phép thiền-định.

Tại sao mà phải ở nơi thanh-vắng ?

Tại nơi trần-cảnh (sắc, thính, hương, vi, xúc) là bụi-nơ, nếu ở giữa bụi-nơ thì át phải lấm nơ, lấm nơ, thì không trong-sạch. không trong-sạch, thì khó thông chơn lý, chơn lý không thông, thì lấy đâu mà thành đạo-quả.

Con người mà ở giữa trần, thì chẳng khác nào nước ở giữa gió. Nếu nước bị gió, thì nước phải xao-đông, xao-đông thì nước phải đục, nếu đã đục thì xem trong nước nào có thấy vật gì tỏ-rõ. Cũng như con người ở giữa trần, thì ngày chi đêm, ngũ-căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân) hằng duyên theo ngũ-trần, duyên theo trần, thì tâm phải diên-đảo, nếu diên-đảo thì phải tối-tâm, tối-tâm thì át lấm-lạc, mà nếu đã lấm-lạc thì phải bị trầm-luân đời-đời kiếp-kiếp trong vòng lục-đạo.

Nhưng, nếu ở non-cao, hang-thâm bằng thảng, hằng năm thì tập-khi lại ẩn-sâu, cũng khôn toan trừ-diệt. Xưa kia, đức Phật cùng chư vị đại-tì-khưu bằng nương theo rừng núi (trừ ra trong 3 tháng mưa, thì các Ngài mới trú-ngụ nơi tịnh-xá). Ban mai, thì đi tri-bình khát-thực, chinh-xê thì đi thuyết-pháp độ-sanh, tối lại thì ngụ nơi thanh-vắng tham-thiền nhập-định.

Ban ngày, khuất-thực, hoặc đi thuyết-pháp, ấy là ĐỘNG, còn đêm, ở nơi rừng vắng, cội cây, hoặc chỗ thanh vắng để tham-thiền ấy là TỊNH. Cho nên tu Phật, thì phải có ĐỘNG, mà cũng phải có TỊNH : động-tịch thông dung tức là lý trung-đạo vậy.

Có định mới phát huệ, có huệ mới suốt-thong chơn lý, là thấy : sắc, thính, hương, vi, xúc đều là : vô-thường, khổ-

não, vô-ngã, rồi mới có bất nhiễm-trần có bất nhiễm-trần, rồi mới có giải-t Thoát, có giải-t Thoát mới có bất-sanh, bất-diệt, là được tiêu-diêu tự-tại vậy.

Trong luật có bài kệ rằng:

Tăng trụ thành-hoàng Phật-tổ ha

Tiền-hiền đô-thị ần nham-a

Sơn-tiền thũy-xuất nhơn-gian khứ

Thanh-thũy y nhiên thành trước ba

40 PHÉP-THAM-THIÊN LÀ:

10 PHÉP KASINA -- Dùng, đất, nước, lửa, màu-xanh vàng, đỏ, trắng, lỗ-trong-tròn, hư-không mà nhìn xem.

10 PHÉP ASUBBA. -- Dùng thấy-ma sinh, thấy-ma sinh (lâu ngày) xanh xanh như màu lục-dậu, thấy-ma có chấy mũ, thấy-ma rả ra làm hai khúc, thấy-ma bị loài điểu thú ăn, thấy-ma rả tay chùn ra từ đoạn, thấy-ma có vôi ăn theo cứu-khiếu, thấy-ma có người chặt nhiều chỗ, thấy-ma có máu chảy cùng mình, thấy-ma chỉ còn những xương

10 PHÉP ANUSSATI -- Niệm Ân-đức Phật. Pháp, Tăng, Giải-luật, Bồ-thi, Chư-Thiên, Niết-Bàn, sự chết, thân trước, hơi thở.

4 PHÉP APPAMANNA -- Dùng từ-vô-lượng-tâm là: từ bi, hi, xả, mà nguyện-vọng cho tất cả chúng sanh đều được hòa-thuận, yên vui lâu dài.

1 PHÉP ANĀRĀPA TIKULASANNA -- Suy-cứu đến vật thực cho thấy nó là vật đáng ghớm ghê.

1 PHÉP DHĀTUVAVATTHĀNA -- Suy-cứu đến từ-dại hiệp nên thân hình của ta là già.

4 PHÉP ARUPA -- Tham cứu đến cõi không vô-biên-thiên, thức-vô-biên-thiên, vô-sở-hữu-thiên, phi-phi-tướng-thiên,

Nếu tham-thiên nhập đại-dịnh được, thì đặc ngũ-thông, hoặc lục-thông và nương theo cái tâm thanh-tĩnh ấy mà tu-tu-huệ thì quả Niết-Bàn ở trước mặt. (Tôi sẽ xuất bản quyển tham-thiên để hiến dâng cho những nhà tu Phật).

TU - TUỆ - LÀ:

Phải suy-cầu cho thấu chơn-lý, có 10 phép :

1./ SAMMASANANANA -- dùng trí huệ mà suy-cứu ngũ-uẩn do theo lý vô-thường.

2 / UDAYABHAYANANA -- dùng trí huệ mà suy-cứu cái phép sanh, diệt của ngũ-uẩn.

3./ BHANGANANA -- dùng trí huệ mà suy-cứu cái phép hiệp tan của ngũ-uẩn.

4./ BHAYANANA -- dùng trí - huệ mà suy - cứu cho thấy ngũ-uẩn là nên ghê-sợ, như người sợ thú-dữ (như sợ sư-tử).

5./ ÁDINAVANANA -- dùng trí huệ mà suy-cứu cho thấy rõ tội lỗi của ngũ-uẩn, như người thấy nhà bị lửa cháy mà toan tìm đường để thoát ra khỏi nhà ấy.

6./ NIBBADĀNANA -- dùng trí huệ mà suy-cứu cho phát-sanh lòng chán-ngán ngũ-uẩn.

7 / MUNCITUKAMYATĀNANA -- dùng trí huệ mà suy-cứu cho tâm muốn tránh khỏi ngũ-uẩn, như cá muốn tránh khỏi chỗ khô-ráo, như kẻ tù-tội muốn tránh khỏi ngục - khám, gông-xiềng.

8./ PATISAMKĀRĀNANA -- dùng trí huệ mà suy-cứu tìm dịp để thoát cho khỏi ngũ-uẩn.

9./ SAMKHĀRUPEKKHĀNANA -- Trí - huệ không chấp trước ngũ-uẩn, là không vui, không buồn, như người đã từ-hẳn vợ con, chẳng còn quyến-luyến nữa.

10./ ANULOMANANA -- Trí-huệ chỉ một lòng bất-thối, y theo con đường đi của các vị Thánh-nhân.

Nếu đã dùng trí-huệ mà suy-cứu, đoạt thấu chơn lý 10 phép kể trên, thì sẽ được thông-suốt nguyên-nhơn ba lẽ tương như sau này :

SABBE-SAMKHĀRĀ-ANICCĀ. -- Huệ thấy các sự hành động đều là vô-thường.

SABBE-SAMKHĀRĀ-DUKKHĀ. -- Huệ thấy các sự hành động đều là khổ não.

SABBE-SAMKĀHRĀ-ANATTĀ -- Huệ thấy các sự hành động đều là vô-ngã.

Tu TAM-HOC viên-mãn thì sẽ được tận-diệt lo sợi GIẤY-CHƯƠNG-NGẠI (SAMYOJANA) là :

- 1) Ngã-chấp (Sakkāyaditthi)
- 2) Hoài-nghi (Vicikacchā)
- 3) Mê-tín (Silabbattaparāmāsa)
- 4) Tình-dục sanh về dục-giới (Kāmarāga)
- 5) Bất-bình (Patigha)
- 6) Dục sanh về sắc-giới (Ruparāga)
- 7) Dục-sanh về vô sắc-giới (Aruparāga)
- 8) Ngã-mạng (Māna)
- 9) Hôn-trầm (Uddacca)
- 10) Vô minh (Avijjā).

Đoạn tuyệt chương-ngại thì được giải thoát (Vimutti) tức là chứng quả Niết-Bàn (Nibbana hay là, Nirvana) (1) là bậc siêu xuất tam-giới, bất-sanh, bất-diệt, hưởng quả iên-diêu tự-tại, yên-vui đời đời kiếp-kiếp.

Rất lành thay, rất lành thay cho quả Niết-Bàn.

GIẢI VỀ QUẢ TƯ-THÀNH

Tu TAM-HOC một lòng bất-thối-chuyển, duyên phận đến kỳ, thì trước hết được đắc quả TU-ĐÀ-HUỒN đoạn tuyệt 3 sợi giấy chương-ngại : ngã-chấp (Sakkāyaditthi) hoài-nghi (Vicikacchā) mê-tín (Silabbattaparāmāsa). Bởi đã dứt 3 cái tâm-ác ấy, cho nên không còn phải sa-đọa vào 4 đường ác-đạo nữa (súc-sanh, a-tu-ia, ngã-quī, địa-ngục) và chỉ còn đầu thai làm người trong 7 kiếp nữa thì sẽ đến Niết-Bàn.

Đức Tư đà hườn — Tu thêm nữa thì được đắc quả Tư đàm hãm (SAKIDĀGANI) đoạn-tuyệt 3 sợi giấy chương-

(1) Nibbāna hay là Nirvana : Nib Nir — nghĩa là tắt hay là thoát khỏi. Bana, vana — nghĩa là lửa phiền não hay là tam-giới.

Nibbāna, nirvana — nghĩa là tắt lửa phiền-não hay là thoát khỏi tam giới, hoặc là dứt lòng ham muốn.

ngại đã kể trên, giảm nhiều tinh-dục và lòng sân-hận chỉ còn dấu thai làm người một kiếp nữa thì sẽ đến bậc NIẾT-BÀN.

Đức *Tư đà hàm* -- Tu thêm nữa thì được đắc quả *A-na-hàm* (ANĀGĀMI) đoạn-tuyệt tinh-dục, lòng sân-hận; khi bỏ xát-phạm thì dấu thai về cảnh trời tịnh sắc (Suddhavāsa--Brahma), không còn phải dấu thai trở lại cõi trần nữa.

Đức *A na hàm* -- ở cõi trời tịnh-sắc đắc quả *A-la-hán*, đoạn-tuyệt, cả 10 sợi giây chướng-ngại, cao-thượng hơn tất-cả chúng-sanh trong Tam-giới; thoát khỏi sanh, tử luân hồi và sẽ nhập Niết-Bàn như đức Thế-Tôn vậy.

Nếu ở tại thế mà tu chứng quả A-la-hán, khi đến ngày cùng, thì cũng diệt-độ như đức Thế-Tôn vậy.

Vậy, ai là người tu Phật, thì phải nương theo TAM-BẢO, là phải học cho thông lẽ TAM-BẢO, phải hành theo lẽ TAM-BẢO, là phép TAM-HỌC, thì sẽ được giải-thoát chẳng sai, bằng không nương theo TAM-HỌC mà tu, thì khó mà chứng quả Niết-Bàn được.

GIẢI VỀ : PHẦN PHÁP QUI BẦU ĐỀ TIẾP DẪN VÀ
TẾ ĐỘ CHÚNG-SANH NÊN QUẢ BỒ-ĐỀ
(*Varabodhipakkhigadhammasangaho*)

- Vara* : nghĩa là qui-bầu ;
Bodhi : nghĩa là giác ;
Pakkhiya : nghĩa là phần ;
Dhamma : nghĩa là pháp ; là con đường tiếp-dẫn chúng-
anh ;
Sangaho : nghĩa là tế-độ ;
Varabodhipakkhiyadhammasangaho : nghĩa là phần pháp
qui-bầu đề tế-độ và tiếp-dẫn chúng-sanh nên quả bồ-đề.

37 PHÁP ẤY CHIA RA LÀM 7 PHẦN

- 1.-- (*Satipatthāna* 4) -- Bốn chỗ niệm ;
- 2.-- (*Samappadhāna* 4) -- Bốn phép chánh tinh-tấn ;
- 3.-- (*Iddhipāda* 4) -- Bốn phép nguyện-vọng pháp mẫu
- 4.-- (*Indriya* 5) -- Năm căn ;
- 5.-- (*Bala* 5) -- Năm lực ;
- 6.-- (*Bojjanga* 7) -- Bảy nhân sanh quả bồ-đề ;
- 7.-- (*Atthangikamagga* 8) -- Bát chánh-đạo.

1 SATIPATTHĀNA 4

Bốn chỗ niệm

1.) *Kayānupassanāsati-patthānam* -- niệm thân-hình, là
ý sự ghi-nhớ đem tri-huệ mà tham-cứu thường thường
ho thấy rõ cái thân-hình là nơi hội-hiệp 32 thể trước là :

Tóc (*Kesā*)

Lông (*Lomā*)

Móng (*Nakhā*)

Răng (*Dantā*)

Da (*Taco*)

Thịt (*Mamsam*)

Gân (*Nharū*)

Xương (*Atthī*)

Tùy (*Atthimin jam*)
Trái thận (*Vakkam*)
Tim (*Hadayam*)
Gau (*Yakanam*)
Mam bao ruột (*Kilomâkam*) (*Pihakam*)
Phôi (*Papphasam*)
Ruột già (*Antam*)
Ruột non (*Anlagunam*)
Vật thực mới ăn vào bụng (*Udariyam*)
Phần (*Kairsam*)
Óc (*Mattalangam*)
Mật (*Pittam*)
Đam (*Semham*)
Mủ (*Pubbo*)
Máu (*Lohitam*)
Mỡ đặc (*Medo*)
Mỡ-hôi (*Sedo*)
Nước mắt (*Assa*)
Dầu - da (*Vasa*)
Nước miếng (*Khelo*)
Nước mũi (*Singhânikâ*)
Nhớt (*Lasikâ*)
Nước tiểu (*Muttam*)

đều là vô thường (*Aniccam*), khổ-não (*Dukkham*) vô-ngã (*anattâ*).

2. *Vedanânupassanâsatipatthanam* -- Niệm thọ, là lấy s
ghi-nhớ đem trí-huệ mà tham-cứu cho thấy rõ ba cái thọ
THỌ-KHỔ, THỌ-LẠC, THỌ-VÔ-KHỔ-VÔ-LẠC, đều
vô-thường, khổ-não, vô ngã.

3. *Cittânupassanâsatipatthâna* -- Niệm-tâm, là thấy s
ghi-nhớ, đem trí-huệ mà tham-cứu cho thấy rõ cái tâm-á
tâm thiện là vô-thường.

4. *Dhammânupassanâsatipatthâna* -- Niệm pháp, là l
tri-huệ mà tham-cứu cho thấy rõ cái lành cái dữ đều
vô-ngã.

II -- *Samapattthanāna* 4
Bốn phép chánh tinh-tấn

1.-- *Anupānnānampāpakanam akusalanam dhammānam anuppavāyāmo* -- Rán sức ngăn-ngừa sự dữ chưa đến.

2.-- *Uppānnānam papakanam akusalanam dhammānam pahavāyāmo* -- Rán sức dứt-bỏ sự dữ đã có.

3.-- *Anuppānnānam kusalanam dhammanam uppadayavāyāmo* -- Rán sức tìm làm những việc lành chưa từng làm.

4.-- *Uppānnānam kusalanam dhammanam kiyvokavayavāyāmo* -- Rán sức làm những việc lành đã có cho càng có thêm.

III -- *IDDHIPĀDA* 4

Bốn phép nguyện-vọng pháp mẫu-nhiệm

1.-- *Chandiddhipādo* -- *Nguyện-vọng*, là lòng mong-mỏi trong các việc lành.

2.-- *Viriyyiddhipādo* -- *Tinh-tấn*, là mong-tỏi trong các việc lành.

3.-- *Cittiddhipādo* -- *Tâm-lự*, là lòng suy-tính chỉ tìm làm những việc lành.

4.-- *Vimamsiddhipādo* -- *Tri-huệ*, là dùng tri-huệ để tham cứu cho thấy rõ các việc khổ trong sự luân-hồi và gắng làm những việc lành.

IV -- *INDIRIYA* 5

Năm-căn

1.-- *Saddhindriyam* -- *Tin-căn*, là cội tin an-dức Tam-bảo để diệt-trừ các sự dữ trong lòng.

2.-- *Viriyyindriyam* -- *Tấn-căn*, là cội tinh-tấn để diệt trừ lòng giải-đãi, để hành đạo, hầu đoạn tuyệt các sự hung-dữ.

3.-- *Satindriyam* -- *Niệm-căn*, là cội nhớ để diệt-trừ lòng lẽ dười cho được làm các việc lành.

4.-- *Samādhindriyam* -- *Định-căn*, là cội chánh-định để diệt-trừ lòng bồn sển cho được làm các việc lành.

5.-- *Pannindriyam* -- *Huệ-căn*, là trí-huệ lớn để diệt-trừ mê-minh, tà-kiến hầu được làm các việc lành.

V --- BALA 5

Năm-lực

1. — *Saddhābalaṃ* — *Tin-lực*, là sức tin mạnh mẽ trong các việc lành, để diệt-trừ lòng mê-tin.

2. — *Viriya-balaṃ* — *Tấn-lực*, là sức tinh-tấn mạnh mẽ để diệt-trừ lòng lười biếng.

3. — *Satibalaṃ* — *Niệm-lực*, là sức ghi nhớ mạnh mẽ để diệt-trừ lòng dễ quên.

4. — *Samādhi-balaṃ* — *Định-lực*, là sức định mạnh mẽ để diệt-trừ lòng xao-lãng.

5. — *Pannābalaṃ* -- *Huệ-lực*, là sức huệ mạnh mẽ để diệt-trừ vô-minh, ái-dục.

VI — BOJJHANGA 7

Bảy nhân sanh quả bồ-đề

1.-- *Satisambojjhanga* -- *Niệm*, là sự ghi - nhớ để tham cứu cho thấy rõ các pháp đều là vô-thường, khổ-não, vô-ngã, hầu được thấu lý tứ-diệu-đề ;

2.-- *Dhammāvisayasambojjhanga* -- *Huệ*, là dùng tri-huệ để tham-cứu cho thấy rõ các pháp đều là vô-thường, khổ-não, vô-ngã, hầu được thấu lý tứ-diệu-đề.

3.-- *Viriyasambojjhanga* -- *Tấn*, là dùng sự tinh-tấn để tham-cứu cho thấy rõ các pháp đều là vô-thường, khổ-não, vô-ngã, hầu được thấu lý tứ-diệu-đề.

4.-- *Patisambojjhanga* -- *Hỉ*, là tâm vui-mãnh phát sanh ra trong giờ tham-thiền và do đó mà tham-cứu cho thấy rõ các pháp đều là vô-thường, khổ-não, vô-ngã, hầu được thấu lý tứ-diệu-đề.

5.-- *Passaddhisambojjhanga* -- *Tịnh*, là thân-tâm yên-lặng và do đó mà tham-cứu cho thấy rõ các pháp đều là vô-thường, khổ-não, vô-ngã, hầu được thấu lý tứ-diệu-đề.

6.-- *Samāddhisambojjhanga* -- *Định*, là một lòng chẳng loạn và do đó mà tham-cứu cho thấy rõ các pháp đều là vô-thường, vô-ngã, khổ-não, để được thấu lý tứ-diệu-đề.

7.-- *Upekkhāsambojjhanga* -- *Xả*, là tâm ở bực-trung là không-thương không ghét, không mừng không vui, và do đó mà tham-cứu cho thấy rõ các pháp đều là vô-thường, khổ-não, vô-ngã, hầu được thấu lý tứ-diệu-đề, là con đường đến Niết-Bàn.

ATTHANGIKAMAGGA

Bát-chánh-đạo

1.-- *Sammāditthi* -- *Chánh-kiến*, là tri-huệ hằng tướng nhớ Niết-Bàn và thấu rõ lẽ Tứ-Đề (khô, tập, diệt, đạo) và chỉ nương theo Bát-chánh-đạo mà tu hành để diệt-trừ vô-minh, ái-dục.

2.-- *Sammāsankappo* -- *Chánh-tư-duy*, là tri-huệ suy-cứu về việc lành, tu-hành phép bố-thí, tri-giải, tham-thiền, hoặc tìm cách trừ diệt sân - hận, hoặc dùng tâm từ-bi nguyện-vọng cho tất cả chúng-sanh đều được yêu-vui lâu dài.

3.-- *Sammāvācā* -- *Chánh-ngữ*, là nói những lời nhơn-chánh: chẳng nói dối, chẳng nói những lời đả-m-thọc, chẳng chưởi-rủa, mắng-nhiếc, chẳng nói lời vô-ích.

4.-- *Sammākammanto* -- *Chánh-nghiệp*, là làm những công-việc nhơn-chánh (bất-sát-sanh, bất-trộm-đạo, bất-tà-dâm).

5.-- *Sammājīvo* -- *Chánh-mạng*, là nuôi mạng nhơn-chánh, xem quyền luật Tu-xuất-gia trương 137-138 và luật Tu-tại-gia trương 29).

6.-- *Sammāpāyāmo* -- *Chánh-tin-tấn*, là chỉ một lòng tu-hành tiến-lên: bỏ sự ác đã có, ngira, sự ác sẽ có, tìm làm lành chưa từng làm, lành đã có, rán gìn-giữ và làm thêm;

7.-- *Sammāsati* -- *Chánh-niệm*, là ghi-nhớ nhơn-chánh phải hằng ghi-nhớ đến 4 chỗ (Satipatthāna).

A -- *Kāyanupassanāsati-patthāna* -- Ý hằng ghi-nhớ đến Sắc-uẩn, suy-tưởng nó là vô-thường, khô-nảo, vô-ngã.

B.-- *Vedanānupassanāsati-patthāna* -- Ý hằng ghi-nhớ đến Thọ-uẩn, suy-tưởng nó là vô-thường, khô-nảo, vô-ngã.

C.-- *Cittānupassanāsati-patthāna* -- Ý hằng ghi-nhớ đến Thức-uẩn, suy-tưởng nó là vô-thường, khô-nảo, vô-ngã.

D.-- *Dhammānupassanāsati-patthāna* -- Ý hằng ghi-nhớ trong tướng-uẩn, và hành-uẩn, suy-tưởng nó là vô-thường, khô-nảo, vô-ngã.

8. *Sammāsamadhi* *Chánh-Định*, là một lòng thanh-tĩnh, xa-lánh tinh-dục, nhập sơ-định, nhị-định, tam-định, tứ-định, hoặc ngũ-định.

Trong khi nhập-định thì nhứt-tâm in khắn vào phép thiền-định, một lòng chẳng loạn, là không vọng theo trần-

cảnh. Định là nguồn-cội muôn sự lành đều gồm vào chỗ nhứt-tâm. Xưa kia các bậc thánh-nhân cũng đều do phép tham-thiền nhập-định mà được chứng quả Niết-Bàn.

Bát-chánh-đạo chia ra làm ba phần :

1. Chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, thuộc về phần giải.

2. Chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định, thuộc về phần định.

3. Chánh-kiến, chánh-tư-duy, thuộc về phần huệ. Cho nên người tu bát-chánh đạo cũng gọi là tu TAM-HỌC vậy.

LƯỢC GIẢI SỰ TÍCH CỦA ĐẠI-ĐỨC ANNĀTAKONDANNA

Có một lúc đại-đức ANNĀTAKONDANNA nghe pháp được chứng quả Tu-đà-hườn, thì bát-chánh-đạo đều phát-sanh theo quả tu-đà-hườn như sau này :

1.) CHÁNH-KIẾN.— Khi Ngài nghe pháp thì Ngài thấy Tứ-diệu-đề rất phân-minh, như là :

a) Ngài rõ thấu KHỔ-ĐỀ (*dukkha ariyasacca*), là các sự thống-khổ mà tất cả chúng-sanh phải mang hằng ngày đây, đều do nơi có ngũ-uẩn. Có ngũ-uẩn, là có sanh, nếu có sanh thì có già, có đau, có chết, đều là khổ.

b) Ngài rõ thấu TẬP-ĐỀ (*Samudaya ariyasacca*), là lòng thương-muốn (TANHÃ) là nguyên-do sanh ra ngũ-uẩn.

c) Ngài rõ thấu DIỆT-ĐỀ (*Dukkhanirodha ariyasacca*), là sự DIỆT-TRỪ lòng thương-muốn, tức là trừ-dứt các việc khổ-não.

d) Ngài rõ thấu bát-chánh-đạo (*Atthangikamagga*), là con đường tiếp-dần chúng-sanh đến bờ giải-thoát.

CHÁNH-TƯ-DUY.— Là ý suy-nghĩ chơn-chánh phát-sanh thì 3 cái ý tà-tư-duy (suy-nghĩ về việc tình-dục *Kāma vitakka*), suy-nghĩ về việc nóng-giận, oán-thù (*byāpāda vitakka*) suy nghĩ về việc làm hại người *vihinsā vitakka*) diệt.

3. CHÁNH-NGŨ.— Phát-sanh thì tà-ngữ (nói dối, nói, đâm-thọc, chưởi-rủa, nói lời vô-ích) diệt.

4. CHÁNH-NGHIỆP.— Phát-sanh thì tà-nghiệp (sát-sanh trộm-đạo, tà-dâm) diệt.

5. CHÁNH-TINH-TẤN.— Phát-sanh thì tà-tấn, là không nương theo chánh-tinh-tấn (xem trương 19...) diệt.

6.) CHÁNH-NIỆM. — Phát sanh thì xét rõ, thấy sắc-uần đều là trước, thọ-uần là khô, thức-uần là vô-thường; tưởng-uần, hành-uần đều là vô-ngã.

7.) CHÁNH-ĐỊNH. — Phát sanh, tiếp dẫn 7 ngành-đạo trên, nhứt tâm bất-loạn, một lòng chăm-niệm Niết-bàn.

Chánh-tư-duy phụ-trợ cho chánh-kiến, ví như tay phụ-trợ cho tâm-thức. Khi con người lựa bạc, vàng thì phải dùng tay để cầm lấy bạc, vàng, trở qua, lật lại cho tâm-thức ngắm xem, nhận biết tốt hay xấu. Cũng như chánh-tư-duy phụ-trợ cho chánh-kiến. Trước có suy-xét rồi sau mới có phân-biệt, thấy rõ các pháp đều là vô-thường, khôn-ảo, vô-ngã.

Chánh-tinh-tấn, chánh-niệm phụ-trợ cho chánh-định, ví như 3 người bạn lành, cùng nhau đi dạo-bơi, xem thấy giữa một ao nước kia, có bông-hoa tươi-tốt bên sanh lòng muốn bẻ hoa ấy, nhưng hoa ở trên cao, khó mà bẻ cho đặng. Cùng nhau toan-tính : 1 người thứ nhứt khóm lưng cho người thứ nhì leo lên, rồi người thứ ba cũng lên lưng người thứ nhì, nhờ sự tiếp sức nhau, mới bẻ hoa ấy được. Ví như Chánh-tinh-tấn, Chánh-niệm phụ-trợ cho chánh-định để đoạt quả Niết-bàn vậy.

Một lẽ nữa, bát-chánh-đạo, nếu chia ra làm GIÁC và HÀNH thì chánh-kiến, chánh-tư-duy là GIÁC; còn chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định là HÀNH.

GIÁC ví như cặp mắt, HÀNH ví như đôi chân. Người đi đường, nếu có đủ cặp mắt sáng-láng, thì xem biết rõ-rệt, chỗ nào nên tránh, chỗ nào nên đi; có đủ hai chân mạnh mẽ, có thể đi đứng vững-vàng, tránh khỏi một cách lẹ-làng, mấy nơi nào có sự nguy-biêm, rủi-ro.

Cũng như người tu, hành đủ bát-chánh-đạo thì được thấy rõ các nguyên-nhân sự kết-quả, là, nếu làm như vậy thì ắt phải lâm-lạc, mang-bại, phải hành theo thế kia, mới mong được sự kết-quả mỹ-mãn.

Thấy rõ như vậy, là do nhờ cái GIÁC; là chánh-kiến, chánh-tư-duy. — Được đi đứng vững vàng, tránh xa sự rủi-ro, tai-hại ấy cũng nhờ cái HÀNH, là: chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-

điền là con đàng chơn-chánh, khỏi lo sợ các ấu tai-hại, là con đàng chỉ ngay đến bực Niết-bàn rất mau-mắn. Cũng như người đi đàng có đủ cả cặp mắt sáng-láng và hai chun mạnh-mẽ, thì sẽ đi đến xứ-sở, mà mình đã nguyện-vọng được mau-mắn, y như hồn-nguyện.

Hỡi cơ ấy cho nên Đức-Thế-Tôn có lời khen bát-chánh-đạo như sau này : bát-chánh-đạo là con đàng đi ngay đến bực Niết-bàn, tránh khỏi các sự rũi-ro, tai-hại.

PHẬT GIẢNG CHO CÁC BỒ-TÁT VÀ NGÀI NGHE NHƯ

VẬY : Trước khi đi đàng phải sắm sửa đủ đồ đạc, cần phải đi đàng này ; là con đàng đi ngay đến Niết-bàn, một vì đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn, đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn, đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn.

Tên con đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn, đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn, đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn, đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn.

Đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn, đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn, đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn, đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn.

Đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn, đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn, đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn, đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn.

Đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn, đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn, đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn, đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn.

Đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn, đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn, đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn, đi đàng này là con đàng đi ngay đến Niết-bàn.

**Phật giảng lại hồi ngài còn làm Bồ-Tát,
xuất gia đi tìm đạo**

(Trích dịch trong Đại-tạng kinh thứ 26)

**PHẬT GIẢNG CHO CÁC ĐỆ-TỬ NGÀI NGHE NHƯ
VẬY :** Trước khi ta chưa dặng sáng-suốt hoàn-toàn, các
Thầy Ti-Kheo này ; là chưa chứng quả phật, nhưng đã là
một vị Bồ-Tát, là còn phải chịu cái khổ : sanh, lão, bệnh, tử,
ta có suy xét tới cái khổ : sanh, lão, bệnh, tử, như sau này :

Ta có hỏi thăm ta tại sao mà ta nghĩ như vậy? . . . ? Tại
vì, nếu ta thấy rõ được mấy điều kể trên, thì ta sẽ tìm được
cái thanh-tịnh vô-bạn của cảnh Niết-Bàn, nơi đó mới
tránh khỏi cái khổ : sanh, lão, bệnh, tử.

Chẳng bao lâu, ta trốn cha, xa vợ và con ta, vào rừng,
cạo tóc và râu, mặc áo dà, làm sãi du phương, nghềh hấn
với thân tộc ta.

Một lòng tìm đạo, đi đến nơi thanh vắng, ta có gặp hai
thầy Bà-la-Môn tên A-la-ra và Ưu-Đà-La. Ta có hỏi đạo
nơi hai thầy và khi xét rõ đạo của hai thầy chưa được cứu-
cánh, giải-thoát. Không vừa ý ta muốn, nên ta kiêu từ mà
đi nơi khác.

Quyết lòng tìm nẻo Cực-lạc, ta trải qua xứ này thành
nọ, có gặp một làng tên Ourouvela. Gần đó có nơi thẳm-
cảnh, cây cối sum-sê mát-mẻ, lại thêm có con sông nước
trong muốn tắm. Chung quanh có xóm nhà dễ bề khát-
thực. Thấy vậy, các Thầy Ti-Kheo này, ta nghĩ thầm : Chốn
này có đủ những sự cần ích cho người tìm đạo được tu
hành. Các Thầy Ti-kheo này ! như thế, rất hấp lòng ta, nên
ta ở lại đó.

Phật giảng cho ông Aggivessana nghe

(Trích dịch trong Đại-tạng-kinh thứ 36)

AGGIVESSANA này ! ta có nghĩ tới ba điều so sánh như sau này, mà trước kia, ta chưa biết được.

AGGIVESSANA này ! có một người kia tính nhúm lửa bằng khúc củi ướt và dính bùn đang trôi dưới nước.

AGGIVESSANA này ! người tưởng thế nào, người ấy làm như vậy có được chăng ?

— Bạch, không được.

— Tại sao vậy ?

— Tại khúc củi đó ướt và dính bùn, đang trôi dưới nước, dầu người ấy có rón nhúm cho lắm thì cũng uổng công.

— AGGIVESSANA này ! cũng như những thầy Sa-môn hay là Bà-la-môn còn làm nô-lệ cho cái thân, lòng còn ham muốn, ước-ao sự vui-sướng, mê-sa theo tình-dục, lửa lòng đang cháy, chưa thể tắt được. Nếu, những thầy Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, có cảm-giác sự đau-đớn nhức-nhối và khó chịu, thì không thể nào mà tìm được cái “ giác ” và “ đạo-lý vô-thượng ”. Dầu các thầy Sa-môn hay Bà-la-môn ấy mà không cảm-giác sự đau-đớn, nhức-nhối và khó chịu, thì cũng không tìm cái “ giác ” và “ đạo-lý vô-thượng ” được.

AGGIVESSANA này ! bỗng nhiên trí ta nghĩ tới điều so-sánh thứ nhì mà trước kia ta chưa được biết.

AGGIVESSANA này ! có một người kia tính vớt khúc củi đang trôi dưới nước còn ướt và dính bùn, đem đi nhúm lửa cho có ánh sáng.

AGGIVESSANA này ! Người tưởng thế nào, người ấy làm như vậy có thể được chăng ?

— Bạch, không thể được.

— Tại sao vậy ?

— Tại khúc củi ấy còn ướt và dính bùn mới vớt lên khỏi nước, dầu người ấy có rón nhúm cho lắm thì cũng vô-ích.

--- AGGIVESSANA này ! cũng như những thầy Sa-môn hay Bà-la-môn mới chế được cái thân, nhưng lòng còn ham muốn, ước ao sự vui sướng, mê-sa (theo tinh-dục lửa) lòng đang cháy, chưa thể tắt được, Nếu những thầy Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, có cảm giác sự đau-đớn nhức-nhối và khó chịu, thì không thể nào mà tìm được cái « giác » và « đạo-lý vô-thượng ». Dầu các thầy Sa-môn hay Bà-la-môn ấy mà không cảm-giác sự đau-đớn, nhức-nhối và khó chịu, thì cũng không tìm cái « giác » và « đạo-lý vô-thượng » được. Như vậy đó.

AGGIVESSANA này ! thoát vậy ta nghĩ tới điều so-sánh thứ ba như vậy, mà trước kia ta chưa biết được.

AGGIVESSANA này ! bằng chức trí ta nghĩ tới sự so-sánh thứ ba như vậy, AGGIVESSANA này ! có một người kia vớt khúc củi ở dưới nước lên đã khô và sạch sẽ, tình đem đi nhúm lửa cho có ánh sáng.

AGGIVESSANA này ! người tưởng thế nào ? Người ấy làm như vậy có được chăng ?

-- Bạch, được.

--- Tại sao vậy ?

--- Tại khúc củi đã khô ráo, sạch sẽ, và đem lên khỏi nước.

--- AGGIVESSANA này ! cũng như có những thầy Sa-môn và Bà-la-môn không còn làm nô-lệ cho cái thân và lòng không còn ham-muốn, ước-ao sự vui sướng, sa-mê theo tinh-dục nữa. lửa lòng đã tắt và tâm được thanh-tịnh. Nếu những thầy Sa-môn hay Bà-la-môn có tâm đạo ấy, có cảm-giác sự đau-đớn nhức-nhối và khó chịu thì các thầy cũng tìm được cái “ giác ” và “ đạo-lý vô-thượng ” Dầu các thầy ấy mà không cảm-giác sự đau-đớn nhức-nhối và khó chịu, thì cũng tìm cái “ giác ” và “ đạo-lý vô-thượng ” được vậy. Ba điều so sánh đó, trước kia ta chưa biết được, mà trí ta nghĩ thành linh như vậy.

AGGIVESSANA này ! ta nghĩ bây giờ, nếu ta cần rằng, cuốn lưỡi lên ô gà để dùng trí ngăn, trí và kềm ý tưởng,

ta, coi thử thế nào ? Nghĩ rồi ta bèn cắn răng, cuốn lưỡi lên ở gà để dùng trí ngăn, trí và kèm ý tưởng ta. Làm như vậy thì mồ hôi chảy ra hai bên nách ta. AGGIVESSANA này ! cũng như có một người kia, sức lực mạnh bạo, nắm đầu hay là hai vai một kẻ khác yếu hơn, có ý để ngăn, trí và kèm người đó. AGGIVESSANA này ! cũng như ta cắn răng cuốn lưỡi lên ở gà, dùng trí để ngăn, trí và kèm ý tưởng ta vậy, đến đôi mồ hôi chảy ra hai bên nách ta. AGGIVESSANA này ! thật ta dùng hết sức, gom ý tưởng, không để cho nó vọng động. Nhưng thân thể ta không được yên-ôn và rất khó chịu, vì tại ta rần quá sức. Nhưng AGGIVESSANA này ! sự cảm giác đều đau đớn đó không dính dấp chi tới ý tưởng ta hết.

AGGIVESSANA này ! trí ta nghĩ: bây giờ ta nín thở để nhập-định coi thử thế nào ? AGGIVESSANA này ! rồi ta nín thở bằng miệng và mũi. Nín thở bằng mũi và miệng, thì hơi thở ra nơi tai ta, nghe tiếng kêu lạ thường, dường như tiếng của ống bễ thợ rèn kêu vậy ; đó cũng vì tại ta nín thở bằng mũi và bằng miệng vậy.

Thật vậy AGGIVESSANA này ! ta dùng hết sức lực không thối chí, để định ý không cho nó vọng động. Nhưng thân ta không được yên-ôn và rất khó chịu, vì tại ta rần quá sức. AGGIVESSANA này ! sự cảm giác đều đau đớn đó không dính dấp chi tới ý tưởng ta hết.

AGGIVESSANA này ! trí ta lại nghĩ, bây giờ, ta định ý nhiều hơn nữa, xem thử thế nào ? AGGIVESSANA này ! ta nín thở bằng mũi miệng và tai thì hơi thở, không lên đầu ta, đau nhức dường như có một người kia sức lực mạnh bạo, dùng gươm nhọn mà ngoáy đầu vậy.

AGGIVESSANA này ! ta dùng hết sức lực, không thối chí để định ý không cho vọng động nhưng thân ta không được yên-ôn và rất khó chịu, vì tại ta rần sức quá lẽ.

Nhưng AGGIVESSANA này ! sự cảm-giác đều đau đớn đó không dính-dấp chi tới ý tưởng ta hết.

Phật lập đi, lập lại cách ngài nhập-định ba lần như vậy :

1. — Sanh ra nhức đầu khó chịu. . . dường như có một người kia sức lực mạnh bạo, dùng miếng da dày mà đánh lên đầu vậy.

2. — Sanh ra nhưc đầu khô chịu. . . dường như có một anh thợ cạo heo kia dùng con dao bén mà chặt bao tử vậy.

3. — Sanh ra cả châu thân nóng như lửa đốt. . . dường như có hai người kia sức lực mạnh bạo, một người nắm một cánh tay của kẻ khác yếu hơn, vật ngã và quăng xuống hầm lửa vậy.

Bởi có ấy, AGGIVESSANA này ! có vị Thiên-Thần, thấy ta thế ấy, bèn nói rằng : Thầy GOTAMA đã chết ; có vị khác nói : Thầy GOTAMA chưa chết, nhưng ngất-ngư, có vị khác nữa nói : Thầy GOTAMA chưa chết, mà cũng chẳng phải ngất-ngư, ngài là bậc A-la-hán, A-la-hán thì phải tham-thiền như vậy đó.

AGGIVESSANA này ! tri ta nghĩ : Nếu ta bỏ ăn, coi thử thế nào ? AGGIVESSANA này ! các vị Thiên-Thần lại gần ta và nói rằng : Ngài đừng bỏ ăn bảy giờ, nếu ngài dứt ăn, thì chúng tôi cho vật-ăn vào theo lỗ lông da ngài. Như vậy, AGGIVESSANA này ! tri ta nghĩ : nếu ta bỏ ăn thì các vị Thiên-Thần cho cơm vào theo lỗ lông da ta, thì cũng như ta còn ăn, ra lẽ ta nói dối vậy.

AGGIVESSANA này ! ta nghĩ nếu ta giảm ăn, coi thử thế nào ? Rồi đó lần hỏi ta còn ăn mỗi ngày có một vắt cơm bằng trái táo vậy.

AGGIVESSANA này ! bởi ta dùng cơm ít quá, nên thân ta lần lần trở nên ốm lắm, thành ra, tay, chơn ta giống như cọng cỏ u-du khô vậy ; xương sống ta như râu chuối ; xương sườn ta như rui nhà củ : mắt ta thụt vô dường như ở dưới nước giếng sâu mà dòm thấy sao trên trời ; da và đầu ta dường như trái bầu rưng bị nắng khô héo vậy, ấy cũng bởi tại ta ăn ít quá.

AGGIVESSANA này ! khi ta sờ bụng ta, thì ta đụng nhằm xương sống ta, ta sờ xương sống ta, thì ta lại đụng nhằm bụng ta. AGGIVESSANA này ! bụng ta in là dính liền với xương sống ta vậy. Khi ta đi đại tiện, thì ta bị té sấp ; thấy vậy nên ta chà tay và chơn ta cho có sức mạnh, chà tới đâu thì lông rụng tới đó. Ấy cũng bởi ta ăn ít quá.

AGGIVESSANA này ! tri ta nghĩ như vậy : đời trước đâu có các thầy Sa-môn hay là Bà-la-môn tu khổ hạnh thế nào cũng không hơn ta. Đời này hay đời sau cũng vậy. Nhưng,

AGGIVESSANA này ! chẳng phải nhờ sự hành xác như vậy mà ta được tấn-hóa hơn người thường, hay là nhờ đó mà ta tìm được đạo-lý cao thượng đâu ?

Có lẽ còn cách nào khác nữa, để tìm cái đạo sáng suốt chớ ? Nghĩ như vậy, AGGIVESSANA này ! ta liền nhớ lại lúc ta còn nhỏ có theo cha ta đi xem lễ cày ruộng mùa xuân, theo phong tục xứ ta. Thấy kẻ nông phu cày, loài trùng để bị hại rất nhiều, trên có bầy chim lại ăn. Thấy vậy lòng ta rất bi ai nên ta ngồi dưới gốc cây diêm-phù tham-thiền nhập định. Lúc đó ta chẳng còn biết tới việc thế-gian là gì. Dứt các tư-tưởng xấu xa, nhưng còn suy nghĩ và lý-đoán, thì ta đại-định vào bực sơ-thiền, nhờ sự vắng vẻ và an-lạc.

Vậy, đây có phải là con đường đi để tìm sự sáng suốt hoàn-toàn chẳng ?

AGGIVESSANA này ! trí ta tin chắc rằng, đó là con đường đi để tìm sự sáng suốt hoàn-toàn. Nhưng ta không thể nào dùng cái thân gầy ốm này mà tìm sự an-lạc như vậy được. Ta phải ăn cơm lại mới xong. Nghĩ rồi ta bèn ăn cơm.

AGGIVESSANA này ! Trước kia năm thầy Sa-môn theo ta đó, có nói với nhau rằng : Bao giờ thầy Gotoma đắc đạo, người sẽ cho chúng ta bay. Nhưng đến khi năm thầy thấy ta dùng cơm, vội bỏ ta ra đi và có nói với nhau rằng : Thầy Gotoma không còn bền chí và nghị lực nữa, người đã ăn ở theo kẻ thế rồi.

AGGIVESSANA này ! nhờ ăn cơm, nên sức ta có lại, và lòng ta không còn tham-sanh và vọng tưởng nữa ; nhưng còn suy nghĩ và lý-đoán thì ta đại-định vào bực sơ-thiền nhờ sự vắng vẻ, thanh-tịnh và an-lạc, nhưng sự cảm-giác này, AGGIVESSANA này ! không dính-dấp chi tới ý-tưởng ta hết.

Dứt suy nghĩ và lý-đoán, AGGIVESSANA này ! ta đại-định vào bực nhị-thiền, nhờ sự gom trí và định-tâm, nên ta được an-tịnh, vui mừng và an-lạc, nhưng sự cảm-giác đó, AGGIVSSANA này ! không dính-dấp chi tới ý-tưởng ta hết.

Dứt cảm-giác sự vui mừng, chẳng còn quyến-luyến đến thế-sự nữa, tâm được an-tĩnh và vững-vàng, nên ta biết, ta được an-lạc. Ta vào bậc tam-thiền, nhưng sự cảm-giác này, không dính dấp chi tới ý tưởng ta hết.

Dứt tuyệt cái vui và cái khổ, AGGIVESSANA này ! mà trước kia ta còn cảm-giác đó, ta dai-dính vào bậc tứ thiền nhờ diệt-tận cái vui và cái khổ ; tâm ta trở nên trong sạch vẹn toàn và không còn chấp trước nữa. Nhưng các sự cảm-giác mà ta có trước kia, AGGIVESSANA này ! không dính-dấp chi tới ý tưởng ta hết, như vậy đó, trí ta được trong sạch, sáng-láng, sẵn-dành để hành sự, vững-vàng, không sai chạy ; nên ta dùng trí tìm các kiếp quá khứ của ta như thế này : 1, 2, 3, 4, 5... 10, 20, 30, 40, 50... 100, 1.000, 5.000 kiếp ; mười lần tận thế, mười lần lập thế ; mười lần lập và tận thế ; ta ở chỗ nào, ta tên chi, ta làm người nước nào, ta về phái nào, làm nghề nghiệp gì, vui và khổ thế nào ; hết kiếp này sang kiếp khác, ta ra làm sao ? Tìm thấy đủ các kiếp trước của ta rành rẽ, phân minh, không hề sơ sót.

Canh một trong đêm thứ nhứt ta được biết như vậy đó là lần đầu hết, thì vô-minh đã diệt, đạo bày tỏ rõ ; mê muội tan, ánh sáng tỏ rạng ; ta được sốt-sắng và minh-mẫn luôn.

Các sự cảm-giác mà ta biết đó, AGGIVESSANA này ! cũng không động tới ý tưởng ta

Như vậy, trí ta được trong sạch, sáng láng, sẵn dành để hành sự, vững-vàng không sai chạy, nên ta dùng trí ta, để tìm cái nguyên do sự luân hồi của chúng sanh.

Nhờ dùng nhãn thông rất trong sạch hơn người thế-gian, nên ta xem thấy cái : Tử, sanh, sang, hèn, tốt, xấu, vui, khổ của chúng-sanh như vậy :

Chúng-sanh phải chịu luân-hồi vì trước kia có tạo-nghiệp nhân-đo bởi nơi thân, khẩu, ý. Bởi chúng sanh không lòng kính những điều họ phải kính, ưa những điều họ không phải ưa, nên sau khi chết, họ phải vĩnh-đọa trầm-luân đặng trả quả đã mang từ trước.

Ai mà ở theo tam-thiện là: Hành-thiện, Ngũ-thiện, Ý-thiện, kính điều phải kính, ưa sự phải ưa, sau khi chết thì được phi-thăng thượng-giải để hưởng sự an-lạc.

Canh hai trong đêm thứ nhứt, nhờ dùng nhẫn-thông mà ta biết được như vậy rồi ; nên vô-minh đã diệt thì đạo bày tỏ rõ, mê-muội tan thì ánh-sáng tỏ rạng. Ta hằng được sốt-sắng, minh-mẫn và vững-vàng. Những sự cảm-giác điều vui mừng ấy cũng không dính-dấp tới ý tưởng ta.

Nhờ trí được trong sạch sáng-láng, sẵn dành để hành sự, vững-vàng, nghị-lực, không sai-chạy nên ta dùng trí ta xem rõ các cách để diệt sự lăm-lạc tội-lỗi theo chơn-lý như vậy :

Đây là cái khờ, đây là nguồn-cội cái khờ, đây là diệt cái khờ, đây là con đang-di để diệt cái khờ.

Đây là sự lăm-lạc, đây là ngọn-cội sự lăm-lạc, đây là diệt sự lăm-lạc, đây là con đang-di để diệt sự lăm-lạc.

Trong khi xem biết các điều ấy, thì trí ta được thoát khỏi cái tham, sân, si, nên ta biết rằng ta đã được giải-thoát, không còn biết cái thân nào khác hơn cái thân này, và ta đã được thành bậc Chánh đẳng Chánh-giác vậy.

Giải về lúc Phật đang khi
hành đạo được giải thoát và ngài
suy xét cái nhơn-duyên dưới gốc cây bồ-đề

Lúc đó Phật ở gần xứ Ourouvela, nơi mé sông Ni-Liên, dưới cội cây bồ đề mà ngày mới được chứng quả.

Phật nhập-dịnh bảy ngày dưới cội cây bồ đề : canh một ngài suy xét về cái nhơn duyên, xem thuận rồi xem nghịch như vậy :

Vô-minh sanh ra hành,
Hành sanh ra thức,
Thức sanh ra danh-sắc,
Danh sắc sanh ra lục-nhập,

Lục-nhập sanh ra xúc,

Xúc sanh ra thọ,

Thọ sanh ra ái,

Ái sanh ra thủ,

Thủ sanh ra hữu,

Hữu sanh ra sanh,

Sanh sanh ra lão, tử, đau-dớn, than-van, khổ-não, buồn-rầu, thất-vọng.

Nếu vô minh mà diệt, nhờ dứt tuyệt cái ái, thì hành ắt diệt.

Hành diệt thì thức ắt diệt,

Thức diệt thì danh sắc ắt diệt,

Danh-sắc diệt thì lục-nhập ắt diệt,

Lục-nhập diệt thì xúc ắt diệt,

Xúc diệt thì thọ ắt diệt,

Thọ diệt thì ái ắt diệt,

Ái diệt thì thủ ắt diệt,

Thủ diệt thì hữu ắt diệt

Hữu diệt thì sanh ắt diệt

Sanh diệt thì lão bệnh tử than-van; khổ não, buồn-rầu, thất-vọng ắt-diệt.

Sau khi tìm được mười hai cái nhân-duyên rồi, Phật có nói: Bao giờ cái chơn-lý bày tỏ-rõ cho thầy Bã-la-môn trong khi tham thiền, thì lòng nghi-nan mới dứt hẳn, nhờ sự hiểu thấu nguồn cội tất cả vạn vật. Qua canh hai và canh ba trong đêm đó, Phật suy nghĩ cái nhân-duyên của con người y như trên kia vậy.

Giải 12 cái nhân-duyên

1.) **VÔ-MINH.** — Là mờ-ám, mê-muội, tối-tăm, không thông hiểu tứ-diệu đề; không rõ sự hiệp tán của ngũ-uần; hằng lầm tưởng cho sắc-tướng là chắc, là thật; có sắc-tướng mới có đều vui sướng. Cái chi thay đổi lại cho là bền vững; cái khổ cho là vui; cái trược cho là trong sạch; thân tứ-đại rất ngắn ngủi lại cho là lâu dài Mê-muội bất thông luật nhân-quả, không rõ kiếp quá-khứ và vị-lai.

Tại sao mà mê muội ?

Tại tham, sân, lười-nhác, háo-thắng, nghi-nan

Tại mắc tam-nghiệp tội vi : thân, khẩu, ý.

Tại không được làm chủ của các ngũ-quan.

Tại không phân biệt được đều căn-giác xấu xa.

Tại không để ý gẫm xét những cách hành-động, làm-lạc.

Tại không lòng tin và nghe theo đạo-lý nhà Phật.

Tại không hay thân-thiết với các bậc thiện-tri-thức.

Tại có cảm giác điều vui và buồn mới sanh ra có cái ái, ái sanh bởi sự cảm-súc, có-minh hiệp vào.

Tại vô minh mới sanh ra cái hữu (có thân) mới có tướng làm làm quấy, nên sanh ra có nhân-quả.

2. **HÀNH.** — Vì vô-minh mới sanh ra vọng-tướng và vọng hành, mới có quả-báo luân-hồi. Bởi có cái vọng-tướng là sau khi chết rồi sẽ sanh ra như thế này, như thế kia... Minh nuôi-nấng cái ý tưởng làm-lạc đó, mới sanh ra có cái thân này vậy.

3. 4. **THỨC và DANH-SẮC.** — **THỨC** : bởi tâm-thức gá vào thai mẹ, hợp với tinh cha huyết mẹ, mới có danh-sắc (danh là tâm, sắc là thân). Nếu cái thức không nhập vào thai mẹ, thì danh-sắc không sao có được. Cũng vì cái thức, nên mỗi khi một vị Phật hay là một vị A-la-hán diệt-độ, mà Ma-Vương bết lòng tìm kiếm để được khuấy rối, nhưng kiếm cũng không ra. Bởi, cái thức của các đấng thánh-nhân, lúc diệt-độ, thì tan mất, nên các vị thần-tiên và người thường không thể nào mà tìm thấy được. Còn cái thức của chúng-sanh, tại sự hành động bất-tịnh, nên sau khi chết phải đi đầu-thai trở lại.

Bởi có cái tâm-thức đó, mới có danh-sắc, mới có chịu các đều lao-khổ kể từ vào thai mẹ, cho đến trọn kiếp làm người.

Hỏi vậy, sau khi cái thức nhập vào thai rồi, nói bỏ đi ra, thì cái thai có sanh được chăng? Cái thức đó ra khỏi thân, đứa trẻ (chẳng luận trai hai gái) đó có thể lớn khôn, nên người được chăng? — Không, không thể nào được,

nó phải chết liền. Bởi cái thức là căn-bản của vật-chất và tinh-thần, nhưng, nếu muốn cho danh-sắc được nên người, cho danh-sắc được sống, cũng là chưa đủ, phải cần nuôi-dưỡng nó nữa. Vô-minh, ái-thủ, là như mẹ nó (thân) sự hành-động như cha nó, vật thực như vú nuôi nó vậy.

Danh-sắc rất liên-lạc với thức, còn thức đối với danh-sắc cũng vậy.

Thức lấy danh-sắc làm gốc, để làm con đàng đi, vì có danh-sắc mới có già, có chết; nó bỏ xác này, đi đầu-thai nơi khác, bỏ xác khác, sanh ra nơi khác nữa.

Thức vi như món ăn, nghĩa là cái trí nhờ sự hành-động của nó nuôi mà nên, nếu nó không cấp-dưỡng thì là Niết-Bàn; bằng mà nó nuôi thì là sanh sanh, tử tử vậy.

DANH-SẮC là thế nào?

DANH — Là thọ, tương hành thức chỉ về tinh-thần.

SẮC -- Là nói về vật-chất (Tứ đại: đất, nước, lửa gió.)

5. Lục-căn.-- Là nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý.

Lục-căn đủ, thì lục trần găm ghé lọt vào.

6. Xúc.-- Là tiếp-xúc, cảm-xúc, sờ-râm, đá-động. Bởi có lục-căn nên lục-trần mới lọt vào, mới có tiếp-xúc. Tiếp-xúc là sự gặp nhau của mắt, vật thấy và thức. Có ngũ-quan, vật ở ngoài và thức, mới có hay biết; cái biết này khác nhau tùy riêng mỗi ngũ-quan và một vật. Các đều biết do ngũ-quan là biết của cái ý, vì là sự hành-động và sự chăm-chỉ đều bởi ý mà ra.

THỌ -- Là cảm chịu, lãnh chịu cái vui hay buồn, không vui hay không buồn là nhờ có tiếp-xúc trước.

Phần nhiên ngài chia ra có ba thời mới tới cái thọ:

1.-- Ngũ-quan và vật tiếp-xúc.

2.-- Sự sanh ra có cái biết.

3.-- Sự sanh ra có cái thọ.

Trong thời nhất và nhì chưa có cái thọ.

7. — **ÁI.** — Là ái-dục là thương-muốn, ước-ao, ham-mê, ưa-mến. Bởi có thọ mới có ái. Ái nảy sanh ra trong tri của con người là khi nào con người đã có cái thọ. Thọ sanh ra bởi có cái xúc, có vô-minh hiệp vào. Trong khi tiếp-xúc thì tức nhiên có sanh ra lý-đoán và hành-động lầm-lạc, bị có vô-minh hiệp vào với cái thọ, chớ chẳng phải cái thọ không mà sanh ra cái ái.

Các bậc A-la-hán, tuy rằng có cái thọ, nhưng cái ái không thể nào mà sanh ra được, bởi các bậc thánh-nhơn có cái lý-đoán rất chơn chánh.

Người thế thường có cái ái sanh ra bởi họ hay có lý-đoán lầm-lạc (khờ, họ cho là vui, vân vân...). Cái lý-đoán lầm-lạc ấy đã định ra có cái thân này rồi, còn định thêm có lý-đoán lầm-lạc riêng, nữa để nạp mình theo cái ái, mới sanh ra chấp có cái-ta (ngả-chấp).

Ái chia ra có nhiều hạng :

1. — Sáu thứ ái sanh ra do nơi lục-căn và lục-trần.
2. — Ba thứ ái sanh ra do nơi cảm-giác, cái vui và buồn.
3. — Thứ ái sanh ra do nơi không vui, không buồn.

Ái cái vui là giữ-gìn nó cho được lâu dài hay là tìm kiếm thêm những vật nào chưa được vào tay mình.

Ái cái buồn là choặng tránh xa nó.

Ái về khoản thứ ba là để gìn-giữ nó cho được lâu dài, không cho sa-sút.

4. — Có thứ ái theo trong tập-đề : là ái sự vui-sướng theo ngũ-quan ; ái làm người thế và tiên-thánh ; ái sự giàu sang.

8. — **THỦ.** — Là giữ lấy, tìm lấy, không cho rời cái vui sướng đã có mà lại còn tìm kiếm thêm nữa, cho đến đời tình-dục tràn-trề, không còn biết kể tới sự hồ thẹn nữa. Vì đó mới sanh có cái hành-động lầm-lạc, tội-lỗi không ngăn. Cũng bởi cái ái nên sanh ra có tư-tưởng xấu-xa, lầm-lạc, chấp có ta. Ái này là ái làm người, ái sự vui sướng. Vì đó nên chia cái thủ, có bốn hạng :

1 Thủ sự vui sướng theo ngũ-quan.

2 Thủ sự lằm-lạc theo tà-đạo.

3 Thủ theo phong tục và nhờ sự khở hạnh mà được giải-thoát.

4 Thủ chấp có cái ta.

Thủ, chẳng phải là giữ lấy vật-dục vì lòng tham-muốn mà thôi, lại còn mê-sa những điều miuh chấp nữa : nên mới sanh ra có vật-chất, sắc-tướng.

Thủ là giữ lấy ngũ-uần, là nguyên-chất dựng nên thân tứ-dại này. Thủ đề hành-động giữ-gìn cái sắc-thần và tinh-thần, nên mới có thân sau.

9. — HỮU. — Có ba nghĩa :

1. — Là tái-sanh, luân-hồi, sanh ra vật-chất và tinh. thần

2. — Có thân, có ngũ-uần.

3. — Sanh trong cõi dục-giải, sắc-giải, vô-sắc-giải.

Phái Tiểu-thừa giải : Hữu là có thân - sống, có ngũ-uần, hai-cốt, thân - thể và ngũ - quan, tùy theo cõi mình luân-hồi.

Phái Đại-thừa giải : Hữu, là từ khi cái thức nhập vào lòng mẹ có cái ý-tướng đi đầu thai, vì chưng đã có tạo-nghiệp-nhân ; hữu là giữ lấy đề hành-động, là có thân này và có thân sau.

10. — SANH. Là sanh-đẻ ra, là cái quả của mỗi người ; tùy theo luật nhân-duyên ; là ra mặt của ngũ-uần, mà cái ý-tướng trước hết, là cái thức đi nhập vào thai mẹ.

11-12. — LÃO-TỬ. — Có sanh thì có già, có buồn-rầu, có khở-não, bởi có cái thân, y theo trong khở-đề : Sanh là khở, già là khở, đau là khở, chết là khở, ưa mến mà phải lia là khở, nghịch mà phải gần là khở, có ngũ-uần là khở.

Dưới cội cây Radjayatana.

Phật nhập định-bấy ngày dưới cội cây Radjayatana để hưởng cái quả phúc được giải-thoát. Khi đó có hai anh lái buôn tên : Da-lệ-Phú-Ba và Bạc-lệ-Ca đi ngang qua đó, tức thì có một vị thiên-thần lại mách bảo như vậy : Hai anh ôi, dưới cội cây Radjayatana có đức Phật mới đả quả, vậy hai anh nên lại làm lễ chào mừng, dâng cơm và mật hơng ngái, thì hai anh đều được hồng phước. Hai anh lái-buôn nghe theo, lại làm lễ Phật, bèn ngồi một bên mà chúc rằng : Xin Phật từ bi thâu dụng cơm và mật ong, cho chúng tôi nhờ được phước dư

Phật nghĩ thầm : Bạc Như-Lai không nên thọ lãnh đồ ăn bằng tay, vậy ta biết làm sao bây giờ ? Từ vị Thiên-Vương, biết ý, bèn đem dâng cái bình - bát bằng đá mà bạch rằng : Xin Thế-Tôn dùng cái này mà dụng cơm và mật ong. Phật thọ - lãnh cơm và mật. Xong rồi hai anh lái-buôn qui dưới chơn Phật và bạch rằng : Chúng tôi tình nguyện qui y Phật, qui y Pháp, xin Thế-Tôn nhận cho chúng tôi là người-thiện-nam kể từ nay cho đến ngày cùng của chúng tôi. Hai người này là kẻ cư-sĩ thọ Phật-Pháp trước hết. (Lúc này chưa có Tăng.)

Dưới cội cây Adjapala

Sau khi tham-thiền dưới cội cây RADJAYATANA rồi, Phật đi lại cội cây ADJAPALA nhập-định, có suy nghĩ như vậy : Ta tìm được cái đạo rất cao - thâm, huyền - diệu, kẻ thường-nhân khó mà hiểu thấu, chỉ có bậc thiện-tri-thức mới rõ nổi, chúng-sanh thì mê-sa việc trần-thế, vui theo tình-dục, khó mà bỏ được, khó mà hiểu thấu luật nhân-quả, biết bao giờ mới gỡ rồi nợ thế, diệt - tận cái tham, sân, si, để vào Niết - Bàn là cảnh cực - lạc ; nếu ta đem cái Pháp này ra đi giáo - hóa, mà chúng - sanh chẳng biết nghe, thì thật là rất nhọc sức và luống công ta vậy. Bởi các cơ ấy, nên đức Thế-Tôn có nghĩ tới điều sau này mà trước kia ngài chưa để ý đến : ta rất nhọc - nhằn lao - khổ, mới

tim được cái đạo cao-thượng như vậy, khó hiểu cho những người đã bị tối-mê, vì chúng còn tham, sân, theo tình dục. Thật như vậy, chúng-sanh khó mà nghe theo cái đạo, nghịch hẳn với đường đời.

Đại-Phạm-Thiên, biểu ý đức Thế-Tôn bèn la lớn lên rằng : thế thì chúng-sanh phải tiêu-diệt, vì đức Thế-Tôn muốn nghĩ an, không lòng mở đạo.

Tức thì **Đại-Phạm-Thiên**, hiện xuống, đến trước mặt đức Thế-Tôn, gối tã qui chằm đất, hai tay xá chào, cầu xin Thế-Tôn mở đạo, vì trong chúng-sanh cũng có kẻ bị tối-mê chút-ít, nếu chúng nó không nghe được Phật-Pháp, thì ắt bị trầm-luân khổ hải. (Người hạng này biểu được Phật-Pháp.)

Bạch Thế-Tôn, ngài là bậc đại-hùng, đại-lực, cúi xin ngài từ-bi diu-dắt chúng-sanh, vì ngài đã được giải-thoát, xin Thế-Tôn từ-bi mở đạo, vì cũng có kẻ biểu được Phật-Pháp vậy. Thế-Tôn đã được sáng-suốt hoan-toàn, rõ thông chơn-lý, thấu biết vạn-vật, xin ngài ngó lại chúng-sanh đang bị cái khổ sanh-tử trọng đại.

Nghe như vậy, Phật bèn nói rằng : Đại-Phạm-Thiên ôi ! ta có nghĩ như vậy : ta tìm được cái đạo cao-thượng, huyền-diệu khó mà hiểu thấu... (Phật giải lại cho Đại-phạm-Thiên nghe, vân vân..)

Đại-phạm-Thiên cũng cứ cầu xin đến 3 lượt. Qua đến lần thứ ba, Thế-Tôn chan-chứa lòng từ-bi với chúng-sanh, ngài dùng nhãn-thông xem thấy chúng-sanh : Có người thì mê-muội chút-ít, có kẻ lại tối-tâm mờ-ám, có người cũng thông-minh sáng-láng ; có kẻ dữ, người lành, có kẻ bất thông, có người mau hiểu ; có kẻ không tu, có người mộ đạo, chẳng khác nào trong ao, có sen xanh, đỏ và trắng vậy. Cái này mọc ra còn ở dưới nước, cái kia lên ngang mặt nước, cái nọ lên khỏi mặt nước. Cũng như trong chúng-sanh, có người hạng này, có kẻ bậc khác, vân vân... Nên đức Thế-Tôn nói với Đại-Phạm-Thiên như vậy : Từ đây cửa chơn-lý mở rộng cho chúng-sanh, cho những người biết nghe, cho những kẻ biết tin.

và tướng chơn-ly. Đại-Phạm-Thiên hiểu rõ đức Thế-Tôn đã nhận lời của ngài cầu-xin, chịu ra mở đạo, nên cúi chào đức Thế-Tôn và đi chung quanh, qua bên tả mà lui mất.

Thuyết pháp lần đầu

Đức Thế-Tôn nghĩ như vậy : bây giờ ta đi dạy ai trước ? Ai là người mau hiểu Phật-Pháp ? Ngài sực nhớ đến thầy Bà-la-môn A-LA-RA là người thông-minh sáng-láng, khôn-ngoan, chỉ còn tối-mê chút ít, nếu người nghe đạo ta ắt người mau hiểu được. Tức thì có Thiên-Thần bạch rằng : A-LA-RA chết đã bảy ngày rồi

Đức Thế-Tôn lại nghĩ : bây giờ ta đi dạy ai trước ? Ai là người mau hiểu Phật-Pháp ? Đức-Thế-Tôn nhớ tới thầy Ưu-Đà-La là người thông-minh sáng-láng khôn-ngoan, chỉ còn tối-mê chút ít, nếu người nghe được đạo ta ắt người mau hiểu. Liền có Thiên-Thần bạch rằng : Thầy Ưu-Đà-La mới chết hôm qua.

Đức Thế-Tôn nghĩ thầm : Bây giờ ta đi dạy ai trước ? Ai là người mau hiểu Phật-Pháp ? Thế-Tôn nhớ tới năm thầy Sa-môn là bọn KIỀU-TRẦN-NHƯ. Năm thầy lúc trước có giúp ta nhiều việc, có săn-sóc ta trong lúc ta tu khổ-hạnh. Vậy ta nên đi truyền đạo cho năm thầy Sa-môn này.

Đức Thế-Tôn lại nghĩ : bây giờ năm thầy Sa-môn ở nơi nào ? Nhờ nhân-thông nên Đức-Thế-Tôn biết được năm thầy ở tại thành Ba-Nại-La nơi vườn Lộc-Giã, rồi Đức-Thế-Tôn lên đường mà đi qua thành ấy.

Có một thầy tên Ưu-Bà-Ca tu theo đạo Adjivaka thấy Phật đang đi, ra đón đường hỏi Phật như vậy : Bạn ơi, sắc diện bạn thanh-tịnh, nước da bạn trong sạch và sáng-rỡ, bạn nhờ ai diễm đạo cho vậy ? Thầy của bạn là ai ? Bạn theo Pháp-môn nào ?

Đức-thế-Tôn trả lời : ta thắng được các mũi giặc, ta được sáng-suốt hoàn-toàn, ta được rất trong sạch, ta đã diệt-tận cái tham, ta đã được giải thoát, ta tìm cái đạo-ly nơi ta, thì chẳng có ai là thầy ta vậy. Ta không có thầy mà cũng không có ai như ta vậy. Trong cõi thế-gian này, cảnh Thiên-Đàng kia, chẳng có một ai bằng ta được, ta vốn là bậc Đại-Thành-

Nhân ở đời này, ta là thầy của tất cả chúng-sanh. Ta là Phật, ta là người vô-ái, ta đã được Niết-Bàn. Nay ta đi qua thành Ba-Nại-La để giáo đạo. Ta đem cái trống bất sanh, bất-diệt đi đánh trong cõi tối-tăm này vậy.

--- Bạn dám nói bạn đã được giải-thoát sao?

--- Nhờ diệt-tận các đều lăm-lạc, trừ tuyệt cái lòng ái-dục, vô-minh Ưu-Bà-Ca ôi! như vậy đó, nên ta mới được giải thoát.

Nghe xong, thầy Ưu-Bà-Ca nói: Bạn ôi! có lẽ phải, và nói và lắc đầu, rồi theo con đường khác mà đi.

Đức - Thế - Tôn đi đến thành Ba - Nại - La, nơi vườn Lộc-Giả là chỗ năm thầy Sa-môn ở. Khi năm thầy thấy dạng Thế-Tôn xa xa thì bàn tính cùng nhau rằng: Bạn ôi! Thầy GO-TA-MA đi lại tới kia kia, nay thầy đã theo thế tục, chẳng còn tu khổ hạnh như xưa, vậy chúng ta chẳng nên chào thầy, chẳng nên rước bình-bát và y của thầy, chỉ cho thầy một chỗ ngồi, nếu như thầy muốn.

Khi đức Thế-Tôn đi tới gần, thì năm thầy trở lòng áy-náy khó chịu, không còn giữ lời đã định cùng nhau khi nãy đồng tới trước mặt đức Thế-Tôn, thầy này rước bình-bát, thầy kia rước y, thầy nọ dọn chỗ ngồi, thầy khác múc nước dâng cho đức Thế-Tôn rửa chơn, dọn chỗ rửa mặt và khăn lau. Đoàn đức Thế-Tôn rửa chơn xong, bèn ngồi xuống.

Trong khi nói chuyện, năm thầy cứ kêu đích-danh Thế-Tôn và gọi bằng bạn-hữu. Thấy vậy Đức Thế-Tôn mới thốt rằng: này các thầy ôi! đừng gọi Thế-Tôn bằng bạn-hữu và kêu đích danh Thế-Tôn nữa. Các thầy Sa-môn này! Thế-Tôn là Phật, là bậc đã được sáng-suốt hoàn-toàn.

Ta đã được giải thoát, nên ta đến đây dạy các thầy, các thầy rân làm theo, thì chẳng bao lâu, trong nội kiếp này, các thầy sẽ thấy hiện-tiền cái chơn-lý, là cái đạo, để cho chúng-sanh tu hành trở nên bậc Thánh-nhơn vậy.

Đức Thế-Tôn vừa dứt lời, thì năm thầy Sa-môn tiếp nói rằng: Bạn GO-TA-MA ôi! các cách tu khổ-hạnh mà trước kia bạn đã có làm theo mà còn chưa được tấn-hóa, đạo-lý vẫn chưa thành, huống chi nay bạn đã bán đồ nhi phế, vui

theo tình dục, thì có lẽ nào bạn lại được tấn-hóa mà thành đạo sao?

Phật rằng: Các thầy Sa-môn này! Như-Lai chẳng phải là bán-đồ nhi-phế và vui theo tình dục vậy đâu. Các thầy Sa-môn này! Như-Lai là bậc sáng-suốt, là bậc Đại-Thánh Nhân, vân vân..... (Phật lập lại cũng y như lời trên kia). Năm thầy Sa-môn nói đến hai lần, mà Thế-Tôn cũng trả lời như vậy.

Thấy các thầy nín thình, đức Thế-Tôn tiếp nói: các thầy hãy nhớ lại coi, từ khi trước, ta có nói cách như vậy chẳng?

--- Bạch, không có nói.

--- Các thầy Sa-môn này! Như-Lai là bậc Đại-Thánh-Nhân, là Phật hoàn toàn, vậy thì các thầy ráng nghe, các thầy Sa-môn này! (Phật lập lại cũng y như trên). Đức Thế-Tôn nói cho năm thầy tin được rồi, thì năm thầy hết lòng chăm chỉ nghe đức Thế-Tôn thuyết pháp như vậy:

Các thầy Sa-môn này! Có hai việc thái quá, mà kẻ tu hành phải tránh xa. Một là mê-sa trần cảnh ham muốn đều vui-sướng xấu-xa, tội lỗi, bèn hạ, vô liêm-sỉ, hai là tu khổ-hạnh, đau đớn, khổ sở, bèn hạ, hao-tồn. Nhờ tránh xa hai việc ấy, các thầy Sa-môn này! mà Như-Lai gặp được con đường trung đạo để mở mắt và trí trở nên sáng láng, thanh-tịnh, tìm được cái đạo, cái "giác" là Niết-Bàn. Đó là con đường đạo bát-chánh, là: Chánh-Kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh mạng, chánh tinh-tấn, chánh niệm và chánh-định.

Các thầy Sa-môn này! nhờ con đường giữa đó, mà Như-Lai được mở mang trí-buệ, sáng-láng, thanh-tịnh, được đạo-lý sáng-suốt hoàn-toàn và Niết-Bàn,

Đây, các thầy Sa-môn này! là Khổ-Đề: Sanh là khổ, lão là khổ, bệnh là khổ, tử là khổ, không ưa mà hiệp là khổ, ưa mà lia là khổ, muốn mà không được là khổ, si-mê là khổ.

Đây, các thầy Sa-môn này! là Tập-Đề: là nguồn cội cái khổ, là lòng ái-dục nó buộc con người phải luân-hồi, hết kiếp này, sang kiếp khác, mê-sa theo tình-dục, lục-

căn, tìm kiếm và giữ lấy những vật yêu-dấu cho được thỏa ý thích, ham-muốn, và ước-ao việc trần-thế.

Đây, các thầy Sa-môn này ! là Diệt-Đề là diệt-tận lòng ái-dục và các điều dục-vọng theo thế-sự, dứt bỏ những điều vui sướng theo lục căn.

Đây, các thầy Sa-môn này ! là Đạo-Đề là con đang đi để diệt cái khổ, là đạo bát-chánh, đã có nói khi nầy.

Đây, là Khổ-Đề, các thầy Sa-môn này ! các ý-tưởng nầy lúc trước, ta chưa biết được, nay mắt và trí ta đã rõ thấu nên ta được cái đạo-lý sáng-suốt là cái « tuệ ».

Đây là Khổ-Đề, Khổ-Đề huyền-diệu nầy ta phải hiểu, Khổ-Đề nầy ta đã hiểu rồi.

Đây là Tập-Đề, các thầy Sa-môn này ! các ý-tưởng nầy trước kia ta chưa biết được, nay mắt và trí ta đã rõ thấu nên ta được cái đạo-lý sáng-suốt là cái « tuệ ».

Đây là Tập-Đề Tập-Đề huyền diệu nầy, ta phải diệt nó, nó đã bị ta diệt rồi. Như vậy các thầy Sa-môn này ! những ý-tưởng nầy trước kia ta chưa biết được, nay mắt và trí ta đã rõ thấu, nên ta được cái đạo-lý sáng-suốt là cái « tuệ ».

Đây là Diệt-Đề, là con đang đi để diệt cái khổ. Như vậy, các thầy Sa-môn này ! những ý tưởng nầy trước kia ta chưa biết được, nay mắt và trí ta đã rõ thấu ; nên ta được cái đạo-lý sáng-suốt là cái « tuệ ».

Đây là cái đề huyền-diệu để diệt cái khổ, ta phải thấy tỏ rõ trước mắt, ta đã thấy nó tỏ rõ trước mắt rồi. Như vậy, các thầy Sa-môn này ! những ý tưởng nầy trước kia ta chưa biết được, nay mắt và trí ta đã rõ thấu, nên ta được cái đạo-lý sáng-suốt là cái « tuệ ».

Đây là Đạo-Đề, là con đang đi để diệt cái khổ. Như vậy, các thầy Sa-môn này : những ý tưởng nầy trước kia ta chưa biết được, nay mắt và trí ta đã rõ thấu, nên ta được cái đạo-lý sáng-suốt là cái « tuệ ».

Đây là Đạo-Đề, cái đề huyền diệu để diệt cái khổ nầy, ta phải hành cho xong, ta đã hành xong rồi. Như vậy, các thầy Sa-môn này ! những ý-tưởng nầy trước kia ta chưa biết được, nay mắt và trí ta đã rõ thấu, nên ta được cái đạo-lý sáng-suốt là cái « tuệ ».

Bao giờ chưa được rõ phân-minh cái “Biết” như vậy : là không rõ Tứ-Diệu-Đề này và thấu lý ba cái tướng của vũ-trụ (1) với mười hai nhân duyên, các thầy Sa-môn này ! thì ta chưa được sáng-suốt hoàn-toàn trong cõi thế-gian, Trời, Ma-Vương, và cõi Phạm-Thiên vậy.

Nhưng, khi ta biết được một cách phân-minh (Phật lập lại y như trên...) thì ta hiểu rằng : các thầy Sa môn này ! ta được sáng-suốt hoàn-toàn (Phật lập lại y như trên...).

Nhưng cái “ tuê ” mà ta đã được đó, nó cho ta rõ rằng : Từ đây ta đã được giải-thoát, kiếp này là kiếp chót của ta, ta không còn sanh ra nữa.

Đức Thế-Tôn giảng xong thì năm thầy Sa-môn rất vui mừng và kính-phục lời nói của Thế-Tôn vô cùng. Trong năm thầy có ông KIỀU-TRẦN-NHU được nhân-thông và biết rằng cái chí có “ tạo ” tui phải có “ diệt ”.

Lúc Thế-Tôn đang chuyển Pháp-Luân, thì các Thiên-Thân ở cõi này la lớn lên rằng : Thật như vậy, tại thành Ba-Nại-La, nơi vườn Lộc-Giả, đức Thế-Tôn đang chuyển Pháp-Luân. Tiếng la của các Thiên-Thân này nghe vang vầy, nên các Thiên-Thần ở cõi Tứ-Thiên-Vương cũng nói rằng : Thật như vậy, tại thành Ba-Nại-La, nơi vườn Lộc-Giả (nói y như trên vân vân...). Các Thiên-Thần ở cõi trên cũng đều la inh-ỏi như vậy.

Trong khi đó, tiếng la lên thấu tới cõi Đại-Phạm-Thiên và chung cả thấy mười ngàn cõi đều rung động, lao xao và có một ánh sáng vô cùng tốt, sức mạnh hơn các ánh sáng của các vị Thiên-Thần, chiếu thấu các cõi thế-giái.

Lúc đó đức Thế-Tôn cho thiên hạ hay rằng thầy KIỀU-TRẦN-NHU đã hiểu đạo. Thật như vậy, thầy KIỀU-TRẦN-NHU đã được hiểu đạo, hết còn dọ-dự, dứt lòng nghi-ngại. Nhờ vậy mà thầy rõ thông chơn-lý, không còn tin cái chi hơn là tin theo Phật-Pháp, nên thầy bạch rằng : cúi xin Thế-Tôn điềm đạo cho Đệ-Tử. Thế-Tôn nói : lại gần đây, thầy Sa-môn này ! chánh Pháp dạy đã phân-minh, thầy rạn ở cho trong sạch, để diệt tận cái khổ. Tức thì thầy TRẦN-KIỀU-NHU được điềm đạo.

(1) Vô-thường, khổ-não, vô-ngã.

Trích dịch theo trong kinh Tự-Thuyết

Ta có nghe như vậy : Có ngày kia đức Thế-Tôn ở trên núi Xa-La-Ca, lúc đó có thầy MÊ-GHI-YA theo săn sóc. Thầy lại gần bên Phật, xá chào, bạch rằng : Đệ-Tử cúi xin đức Thế-Tôn cho phép đệ-tử vào làng DJANTOU để xin cơm.

MÊGHIYA ôi ! thầy làm thế nào vừa ý thầy thì làm.

Thầy MÊGHIYA khi xin cơm xong trở về ăn rồi, thầy đi theo mé sông KIMIKALA, lúc đó thầy có thấy một đám xoài mát-mẻ và thanh-tịnh, Thầy nói thầm: đám xoài này rất vui-vẻ, rất tiện cho người chơn tu dùng để Tham-Thiền, nhập định. Nếu đức Thế-Tôn bằng lòng, thì ta lại đây mà hành đạo. Tính xong, thầy MÊGHIYA lại gần xá, chào đức Thế-Tôn và bạch rằng: Trước khi đứng ngo, đệ tử có đi vào xóm DJANTOU để xin cơm, và khi trở về ăn cơm rồi, đệ-tử có đi theo mé rạch KIMIKALA thấy có một đám xoài rất là má:-mẻ và vui-vẻ, đệ-tử có ước thầm, đám xoài ấy rất tiện cho kẻ chơn tu, để tham-thiền, nhập-dịnh. Nếu Thế-Tôn cho phép, thì đệ-tử xin trở lại nơi ấy mà hành đạo.

Thầy MÊGHIYA bạch vừa rồi thì đức Thế-Tôn trả lời rằng : Đờ chờ một chút nữa, MÊGHIYA này ! chờ các thầy Sa-môn khác lại đến đả.

Qua lần thứ nhì, thầy MÊGHIYA bạch với đức Thế-Tôn rằng : Bạch Thế-Tôn, Thế-Tôn đâu còn phải hành đến sự chi nữa. Còn bốn phận đệ-tử thì phải còn làm nhiều việc; nếu Thế-Tôn bằng lòng, xin cho đệ-tử trở lại đám xoài kia mà hành đạo. Thế-Tôn cũng bảo chờ một chút nữa. MÊGHIYA này ! bây giờ chỉ có chúng ta, chờ các thầy Sa-môn khác lại đến đả.

Đến lần thứ ba thầy MÊGHIYA cũng xin như trước vậy. Đức Thế-Tôn nói MÊGHIYA này ! các cách để diệt trừ cái lòng vọng-tưởng, ta chẳng còn biết nói thế nào nữa được, vậy người cứ hành theo lời mà người đã có nghe. Thầy MÊGHIYA đứng dậy, xá, chào đức Thế-Tôn và đi vòng theo bên ta mà lui. Thầy đi lại đám xoài tham-thiền

trong lúc trời nắng. Trong khi nhập định ở nơi đám xoài ấy, thầy MÊGHIYA hẳn bị tư-tướng xấu-xa nảy sanh ra trong trí, nghịch hẳn với lẽ đạo.

Thầy nói thầm rằng : thật lấy làm lạ, lấy làm kỳ, ta đã sẵn lòng bỏ nhà mà theo đạo, sao nay lại bị các tư-tướng tội-lỗi đánh phá như vậy. Bởi có ấy nên thầy MÊGHIYA bỏ nơi đó mà trở lại gần bên đức Thế-Tôn, xá, chào và bạch rằng : trong lúc đệ-tử tham-thiền ở đám xoài, có bị các tư-tướng tội-lỗi xấu-xa nổi lên ba lượt, khuấy rối đệ-tử dường này : Ý tướng bất-tịnh, hung-dữ, ughịch hẳn với đạo-lý.

Đức Thế-Tôn nói : như muốn cho trí mau được giải thoát, MÊGHIYA này ! thì thầy Sa-môn phải có năm pháp thức :

1.-- MÊGHIYA này ! thầy Sa-môn phải có người bạn đạo đức, là điều thứ nhất.

2.-- MÊGHIYA này ! thầy Sa-môn phải hết lòng chơn-tu, gìn-giữ giải-luật cho tinh-khiết, phải có lòng từ-bi, là điều thứ nhì.

3.-- MÊGHIYA này ! Thầy Sa-môn phải lánh dữ làm lành, thông rõ đạo-lý, chán-nản thế-sự, dứt sự sa-mê theo tình-dục, và lòng háo-sanh, tâm cho được thanh-tịnh, bền-chí, mong tới, từ-bi, tham-thiền, giác-tánh và giải-thoát, là điều thứ ba.

4.-- MÊGHIYA này ! Thầy Sa-môn phải bền lòng chắc dạ, đi cho đến nơi cùng tốt, để tìm sự giải-thoát. Phải dứt bỏ những điều hành theo luật-pháp, quyết-dịnh và nghị-lực. Một lòng không lui sụt là điều thứ tư.

5.-- MÊGHIYA này ! Thầy Sa-môn phải thông-minh sáng láng, hiểu thấu góc ngọn tất cả vạn vật, suốt thông con đường đi, để diệt-tận cái khổ, là điều thứ năm.

MÊGHIYA này ! đó là năm pháp thức mà người tu hành muốn cho mau được giải thoát, phải biết. Thầy Sa-môn phải có bạn thiện-tri-thức, phải hay gần gũi với các bạn đạo-đức và thầy phải hết lòng tu-hành tinh-tấn, nghị-lực và khiêm-nhường.

MÊGHIYA này ! thầy Sa-môn, phải giữ thêm bốn điều khác nữa là :

- 1.-- Phải tham-thiền về cái mạng trước để trừ cái lòng tham-xan.
 - 2.-- Phải tham-thiền về cái từ, bi, hĩ, xả để trừ cái lòng sân-hận.
 - 3.-- Phải tham-thiền về cái số-tức-quan để trừ cái tâm vọng-tướng.
 - 4.-- Phải quán-tướng về cái vô-ngã, để trừ cái lòng kiên-cần.
- Phàm, ai xét thấu và dứt được cái ngã-chấp thì thấy Niết-Bàn nội trong cái kiếp này.

Ông Xá-Lợi-Phật nói :

Không rõ cái khổ, bạn ôi ! không rõ nguồn cội cái khổ, không rõ điều để diệt cái khổ, không rõ con đường đi để diệt cái khổ ; đó bạn ôi ! gọi là vô-minh vậy. Bởi không rõ thấu Tứ-Diệu - Đề, nên trước kia ta phải bị luân-hồi mãi mãi. Nay ta đã rõ thấu Tứ-Diệu-Đề, thì ta mới được thoát khỏi cái vòng luân-hồi. Nguồn-cội cái khổ đã diệt-tận, nên ta không còn đau-thai lại nữa.

Phật giải về lý vô-thường

Chúng-sanh phải suy xét như vậy : Trong cõi trần này, chẳng có cái chi được bền-vững lâu-dài cả. Những cái chi mà ta có được đây thì ta chỉ tạm-mượn mà thôi, ta không có quyền gì làm chủ nó được (có thân, thì có già, có đau, có chết) thế sự vạn ban, phải có ngày bị diệt-tận, hoặc tự lấy nó, hoặc bị sự xảy đến nơi ngoài.

Thử hỏi, ta có tìm kiếm được cái chi trong cõi này, mà được lâu dài chẳng ? Ta bỏ chỗ này, đi tìm nơi khác và cũng phải bỏ nơi khác đó nữa. Có đó, mất đó. Thật như vậy. Những cái chi mà ta đã tạo thì phải có ngày diệt tận, phải thay đổi luôn luôn.

Vả lại cái khổ là cái nguyên-nhân, bi yếu của giống hữu tình. Ta thử xem ở xung-quanh ta, hay là ta xem trong vũ-trụ, thì ta chỉ thấy những là sự đau-đớn, buồn-rầu, rất là thâm-khổ và tức-tối mà ta rần rần lắm mới vừa chịu nổi đó thôi. Mắt ta thấy những là sự đau-đớn, khổ-não và tai-nạn. Phía nào ta cũng bị đều gồm-ghé, khó-nhọc,

thăm khổ nó bao vây, chẳng có nơi nào mà ta gặp được sự an-tĩnh và khoái lạc hết. Thật là rất vô-ích mà tìm sự thanh-nhàn và mạnh-khoẻ được. Hai điều này là mơ-màng, ta không khi nào mà gặp được. Nếu ta xem cho chín-chắn thì ta chỉ thấy có cái « danh » và cái « sắc » nhưng cũng là đều ảo mộng thôi. Thế thì ta phải suy nghĩ như vậy : những cái chi mà ta thấy đó, thì nó chẳng phải là ta, và chẳng phải là của ta, mà ta cũng chẳng phải là nó. Những cái chi mà cho là ta, thì thật chẳng phải là ta, cũng chẳng phải là của ta vậy. Ấy là những sự ảo-mộng thôi. Sắc chẳng phải là sắc, chúng-sanh chẳng phải là chúng-sanh. Cả thấy là do nơi ngũ-uẩn và tứ-đại (đất, nước, gió, lửa) và những điều này cũng do nơi « danh » và « sắc », là những sự tưởng tượng cả, là không được thật cả. Mỗi thân có hai món : « sắc » và « lương-lâm » thì có hơi chắc hơn mấy món khác, nhưng theo cái chất của nó thì cũng chẳng phải là bền vững.

Phật thấu rõ cái chơn-lý của cả vạn vật đều là vô-thường nên ngài chán nản, không màng tới nữa. Ngài rất góm-ghê, dứt bỏ và không trước ý đến nữa.

Phật giải về sự làm lành Cho một thầy Bà-La-Môn nghe

Có một đức vua kia đi đánh giặc thắng trận, ban sự hồi trao, nhứt định để làm lễ cúng-dường chư vị Thánh-Thần. Ngài có thỉnh một nhà sư để bày tỏ ý ngài đã muốn. Nhà sư bèn khuyên vua : Như muốn làm phước, trước hết, nên làm cho trong nước, dân được an cư lạc-nghiệp, rồi sau mới nên làm lễ cúng-dường. Trong lúc làm lễ, chẳng nên sát sanh hại vật, đốn cây chặt cỏ. Cả thấy bộ hạ của vua cũng phải làm lành, lánh dữ, và một lòng cùng vua, dùng sữa bò, dầu ăn, và mật ong, mà làm lễ cúng-dường. Đức vua y theo lời nhà sư chỉ bảo, nên rất được toại lòng sở nguyện.

Phật nói tiếp rằng : Còn có một cách làm phước dễ dàng mà lại được nhiều phước hơn, là bỏ-thi cho những thầy chơn-tu, cất tịnh-xá cho Phật và cho các thầy Sa-môn ở.

Nhưng cũng có một cách làm phước cao-thượng hơn nữa, là phải hết lòng tâm đạo qui-y-Phật, qui-y-Pháp, qui-y-Tăng không sát-sanh hại vật, không vọng ngữ và không gạt-gâm người.

Mà lại cũng có một thể làm phước còn cao-thượng hơn trước nữa là không còn biết tới cái vui và cái buồn ; phải giữ lòng cho được thanh-tĩnh.

Rốt hết, còn một cách làm phước rất cao-thượng tốt-bực, là phải tu hành cho được đắc-quả, thoát khỏi cái khổ luân-hồi, được vào Niết-Bàn là nơi bất-sanh, bất-diệt, mới gọi là Cực-Lạc. Ấy mới thật là làm phước cao-thượng tốt-bực đó.

Phật giải xong, thì thầy Ba-la-môn liền bạch rằng : Tôi nguyện qui-y-Phật qui-y-Pháp, và qui-y-Tăng. Tức thì thầy Ba-la-môn vui lòng thả vài trăm con thú của thầy, cho chúng nó đi thong-thả, mặt tình ăn cỏ tốt, uống nước trong (mát), không còn hành-hà, bắt buộc chúng nó nữa.

Phật giải về xét lỗi mình

Xá-Lợi-Phất này ! Bồn phận thầy Sa-môn phải suy tưởng : trong lúc vào xóm, đi xin cơm, nơi ngừng xin cơm hoặc trong lúc trở về. Trong khi hành động ấy, mắt có thấy, có cảm-giác những điều vui mừng, tham-lam, ưa-muốn hay là có sân, si chẳng ? Xá-Lợi-Phất này ! thầy Sa-môn phải biết tưởng xét rằng : như lúc vào xóm, đi xin cơm, nơi ngừng xin cơm khi trở về, thầy có phạm những tội-lỗi là : có cảm-giác điều vui mừng, tham-lam, ưa-muốn, sân, si, Xá-Lợi-Phất này ! thì thầy Sa-môn phải rán dứt bỏ những tánh xấu-xa, vọng tưởng ấy. Nhưng Xá-Lợi-Phất này ! nếu xét-tưởng như vậy rồi, mà biết được trong lúc đi xin cơm, thầy không có phạm đến các điều tội-lỗi chi, Xá-Lợi-Phất này ! thì thầy Sa-môn phải khen thầm cho mình và nên vui-mừng đẹp ý, vậy.

Rất hứa phước cho những người mà bấy lâu, đã quen lòng làm lành đường ấy. Ví như có một cậu trai hoặc cô gái kia, hay có lòng chung-diện, thương hay soi mặt trong một cái kiến tốt, nếu người trai hoặc cô gái đó, thấy nơi mặt họ có lấm dơ, hay là có vit-tích chi chi thì họ hết lòng làm, làm

sao cho bay hết cái chồ dơ và vit- tích ấy. Bằng họ xem không thấy có chi hết, thì họ rất được vui mừng và nói thắm rằng : như thế là được, như thế thì ta mới được sạch-sẽ.

Cũng chẳng khác như thầy Sa-môn kia, khi xét thấy biết mình có phạm đều vọng-tướng xấu-xa, thì thầy phải răn làm, làm sao cho dứt được hết các tội-lỗi ấy đi. Nếu thầy Sa-môn xem xét rồi, mà chẳng thấy mình phạm đều chi tội-lỗi, thì thầy lại khen, mừng thắm cho thầy và đêm ngày thầy cũng phải làm lành thêm nữa.

Chuyện đức A-la-hán Na-tiên với vua Mi-Lân-Đà

Đức vua Mi-lân-đà có hỏi ông Na-Tiên ti-kheo, làm thế nào mà biết ngài được.

-- Bạch, ngài tên chi ?

-- Ta tên Na-Tiên, đại-vương à ! Nhưng đại-vương này, Na-Tiên đó là cái tên, cái danh-hiệu, là một tiếng kêu thường vậy thôi, chớ không có người.

-- Đò cả thầy 500 kẻ bộ-ha của tôi và 80.000 thầy Sa-môn, có nghe chằng ? Ông Na-Tiên tại đây, mà ngài nói là không có ngài ; vậy thì có ai nhận chịu như vậy chằng ? Đức vua bèn hỏi tiếp :

-- Ông Na-Tiên này ! Ngài nói rằng tại đây không có người, thì ai đâu là kẻ săn-sóc các việc cho ngài cần dùng đó ? Như là : áo, quần, món ăn, chồ ở và thuốc men cho những kẻ tật-bệnh ; ai dùng mấy món mới kẻ đó ; ai làm phước, làm lành, ai trau dồi đức-hạnh, ai tu-hành đặc-đạo ai được thấy Niết-Bàn, ai sát-sanh, ai du-đạo, ai tà-dâm, ai vọng-ngữ, ai âm-tửu ; ai phạm đến năm điều tứ tội ? Như vậy thì không-lành, không-dữ, không-thầy, không-tớ ; sang, hèn, lành, dữ không phân-biệt, cũng không thưởng phạt. Nếu có ai cố sát ngài, bạch ngài, thì người đó cũng không mang tội giết người sao ?

-- Ngài ôi, vậy chớ tọc đó, có phải là Na-Tiên chằng ?

-- Chẳng phải đâu Đại-Vương à !

--- Móng tay, răng, da, thịt, xương, có phải là Na-Tiên chẳng ?

--- Chẳng phải đâu, Đại-Vương à !

--- Danh và sắc, có phải Na-Tiên chẳng ?

--- Chẳng phải đâu, Đại-Vương à !

--- Sự cảm giác, có phải Na-Tiên chẳng ?

--- Chẳng phải đâu, Đại-Vương à !

--- Thọ : tướng, hành, thức, có phải Na-Tiên chẳng ?

--- Chẳng phải đâu, Đại-Vương à !

--- Bạch ngài, vậy chớ ngoài cái danh-sắc, thọ, tướng, hành, thức ra có chỗ nào là Na-Tiên chẳng ?

--- Chẳng có chỗ nào cả, Đại-Vương à !

--- Bạch ngài, tôi đã hỏi đủ điều, mà chẳng gặp chỗ nào có Na-Tiên cả. Bạch ngài, tiếng không-không có phải là Na-Tiên chẳng ?

--- Chẳng phải đâu, Đại-Vương à !

--- Vậy Na-Tiên là gì ? Bạch ngài, ngài nói sai rồi, ngài nói dối, là không có Na-Tiên.

Rồi đó đức A-la-Hán hỏi lại đức vua cách này, Đại-Vương ơi ! Đại-Vương là bực sang-trọng, sang-trọng tốt-bực, thế thì lúc đứng ngộ như vậy, ngài đi lại đây, đất nóng, lại thêm đá và sỏi bén, có lẽ chơn ngài đau nhức lắm, thân-thể và trí ngài mệt-mỏi lắm. Vậy ngài đi lại đây bằng xe hay bằng chơn vậy ?

--- Bạch, tôi chẳng phải đi bằng chơn, mà tôi lại đây bằng xe.

--- Nếu Đại-Vương lại đây bằng xe, vậy ta xin Đại-Vương giải cái xe ta nghe. Cái gong đây, Đại-Vương này ! có phải cái xe chẳng ? Đức Na-Tiên thừa dịp khi nấy, mà hỏi lại đức vua như vậy : cái ví, cái mui, cặp bánh, hay là trừ các món ấy ra, có phải là cái xe chẳng ?

--- Bạch, đều là chẳng phải.

--- Đại-Vương này ! ta đã hỏi đủ điều mà chẳng có chỗ nào ta gặp cái xe cả. Vậy tiếng không-không đó là xe chẳng ? Vậy, xe là gì đâu ? Đại-Vương nói sai rồi, Đại-Vương nói dối, là không có cái xe. Đại-Vương ơi ! ngài là chúa cả đất ẤN-ĐỘ, ngài còn sợ ai, nên ngài không dám nói sự thật. Vậy 500 kẻ bộ-hạ của ngài và 80.000 thầy Sa-môn, có nghe đức vua Mi-Lân-Đà, ngài nói ngài lại đây bằng xe

chăng, mà ta nhờ ngài giải cái xe cho ta nghe, ngài lại không chịu giải. Vậy có ai công nhận chăng? Đức NA-TIÊN nói rồi, thì 500 kẻ bộ-hạ của vua MI-LẮN-ĐÀ đều cảm phục lời của đức NA-TIÊN, và lại tâu với vua rằng: « Đại-Vương ơi! như được thì xin Đại-Vương trả lời. Nhưng đức vua bực với đức A-LA-HÁN như vậy: tôi chẳng phải không nói sự thật. Bực ngài, gọng, ví, mui, cặp bánh, cả thấy thật chẳng phải là xe vậy.

Thật như vậy, Đại-Vương này! cũng như so-sánh với: tóc, da, xương, danh-sắc, thọ, tướng, hành, thức, người ta dùng cái danh biểu để mà gọi tiếng NA-TIÊN đó thôi. Nhưng, thật là không có chi hết. Đại-Vương này! vì có đó mà bà VAJIRA có bực với Phật như vậy: nơi nào mà các phần của cái xe hiệp lại, thì người gọi là xe, nơi nào có Ngủ-nằm thì gọi là người vậy. Đó là lời của kẻ phàm-nhơn thường kêu như vậy.

— Thật rất hay, ông NA-TIÊN này! hay rất lạ thường, ông NA-TIÊN này! có nhiều câu hỏi nó làm rộn trí tôi, mà nay ông đã bày rõ rất phân minh. Nếu mà, Phật còn thì chắc đức Phật khen ông lắm.

Thật là hay, thật rất hay, ông NA-TIÊN này! có nhiều câu hỏi nó làm rộn trí tôi, mà nay ông đã bày tỏ, rất nêu phân biệt.

Phật giải về Tứ-diệu Đê

Trong lúc người tu mà hiểu rõ TỬ-ĐỀ, thì được thoát khỏi cái thủ về ái-tình, lòng háo-sanh, lăm-lạc và vô-minh. Người được giải-thoát thì biết rõ rằng mình được giải-thoát, hết còn luân-hồi, được vào bực Thánh, phận sự đã tròn, chẳng còn trở lại cõi trần này nữa. Đó là cái tự kiến của người đắc-đạo vậy.

Các thầy Ti-Kheo này! cũng vì có dầu nên ngọn đèn mới cháy, nếu không ai châm dầu và thêm tim, các thầy Ti-Kheo này! Hết dầu hết thì đèn tắt; bởi thiếu món ăn của nó (là dầu). Cũng như con người mà trí chí, có lòng tim cho biết thấu được những điều mau hư-hoại của cả vạn vật ở thế-gian này, thì lòng ái-dục phải dứt-

tuyệt, ai dứt, thì thủ cũng tiêu vân vân ... Đó là phép dễ diệt các điều khổ vậy.

...

Phật giải về cái thủ

Bởi có sóng to, sóng rất to chồm lên bao quanh cả con người (là cái khổ sanh, lão, bệnh, tử) mà con người không biết thế nào gặp được cù-lao. Đó là lời ta dạy vậy. KAPPA này !

Nơi nào mà chẳng có cái Thủ, thì có cù-lao, mà chỉ có một cù-lao ; cù-lao đó ta gọi là Niết-Bàn vậy, là nơi cuối cùng của cái già và cái chết vậy.

Kẻ tham-thiền, nhập-định, mà không thối-chí, một lòng sốt-sắng thì gặp Niết-Bàn.

Sự đói khát là một cái bệnh rất khó chịu, mà các điều tạo-tác ra là cái khổ khó chịu hơn nữa. Hiểu được như vậy rồi, thì gọi là gặp Niết-Bàn vậy, là được cái đạo quả rất cao-thượng. Bậc đức đạo chẳng khi nào làm hại ai, hằng kềm chế cái thân, để đi đến chốn thiêng-liêng, ai đến được nơi đó rồi, thì chẳng còn biết gì đến cái khổ nữa.

...

Phật giải về cái trí

Cái chi mà ta có đây là cái kết quả sự hành-động của cái trí ta, tự nơi trí ta mà ra, tự nơi trí ta làm ra. Nếu người nào mà nói hay là làm theo cái trí tưởng xấu xa, thì cái họa theo liền tay, cũng như bánh xe lăn theo con thú kéo xe vậy.

Cái chi mà ta có đây là cái kết-quả sự hành-động của cái trí ta, tự nơi trí ta mà ra, tự nơi trí ta làm ra. Nếu người nào nói hay làm theo cái trí trong sạch, thì cái phước nó theo mình như bóng tùy hình, không khi nào nó lìa xa mình vậy.

Người nào nói nhiều điều cao-thượng, chơn-chánh, mà chẳng làm theo, ấy là kẻ điên. Cũng như anh chẵn bò kia, cứ đi đếm bò của kẻ khác. Người như vậy, thì chẳng đáng làm thầy Sa-môn đó.

Người nào nói ít lời cao-thượng, chơn-chánh mà hành theo chơn-lý, không lòng tham, sân, si, thì được giải-thoát, chẳng còn vọng-tưởng đều chi ở cõi trần này hay là cảnh thiên-đàng kia, người đó mới đáng làm thầy Sa-môn vậy.

Phật giải về cái ái

Các đều khổ não và than-van, ở cõi trần này mà có đây là cũng bởi mình có kẻ thân-thiết hay là có vật chi yêu-dấu mà ra. Nơi nào mà không có chi thân-thiết và yêu-dấu, thì cũng chẳng có cái khổ nào sanh ra được. Bởi thế, người nào mà chẳng có cái chi thân-thiết thì được vui-mừng và cũng chẳng có sự chi buồn rầu xảy đến. Vậy nếu con người mà muốn được an-vui, thanh-tịnh, dứt sự buồn rầu và không còn nhớ vương bụi trần, thì không nên có chi thân-thiết và yêu-dấu ở thế-gian này nữa.

Không thể nào mà mình vui được, không thể nào mà mình mê-sa điều vui-sướng được, vì là mình đang bị lửa đốt đời đời kiếp kiếp; cái vô-minh nó bao vây mình. Hỏi vậy mình có muốn tìm ánh sáng không?

Mình trồng hoa thì các ý tưởng mình chăm-chỉ vào điều vui-sướng vì hoa; như nữa đêm cái chết nó đến và nó bắt mình, thì mình còn vui-sướng được với hoa nữa chẳng?

Mình trồng hoa, thì các ý-tưởng mình chăm-chỉ vào điều vui-sướng vì hoa; mình mê-sa nó vô hạn, thì lại có kẻ theo hại mình, nắm mình trong tay.

Trên không-trung, giữa biển-cá, trong háng đá chật hẹp, kia đảo và nơi nào khác nữa, mình trốn cũng chẳng khỏi tay Ma-Vương.

Vui sanh ra khổ, vui sanh ra sợ. Người nào mà tránh khỏi cái vui, thì người đó tránh khỏi cái khổ, như thế thì cái sợ không thể nào sanh ra được.

Thương-yêu sanh ra khổ, thương-yêu sanh ra sợ. Người nào tránh khỏi cái thương-yêu, thì người đó không còn khổ nữa. Như thế thì cái sợ không thể nào mà sanh ra được.

Người nào thấy cả chúng-sanh, như thấy bọt nước, như thấy chim-bao, thì người đó được giải-thoát.

Người nào tránh khỏi tội-lỗi, lầm-lạc; người nào đến mé bờ bên kia, đứng được trên mé bờ rồi, hằng đem lòng suy-xét: Không tham, không ngã lòng; người nào tránh khỏi sự luân-hồi, dứt tắt lửa lòng, thì người đó mới đáng làm thầy Sa-môn vậy.

Phật giải về cái tham

Người nào mà bị cái Tham về việc trần thế, thì cái khổ càng sanh thêm nhiều, cũng như cõ mọc vậy.

Người nào mà làm chũ được cái Tham, là Tham việc trần-thế, là điều rất khó mà bỏ được, đối với những người ấy, thì cái khổ đã dạt hẳn, cũng như nhỏ nước trên bông sen rơi xuống vậy.

Nếu như cây kia chặt đứt còn nguyên rễ, thì cây ấy mọc lại hẳn-hồi; cũng như sự mạnh-mẽ của cái Tham mà chưa tuyệt, thì cái khổ càng sanh thêm nhiều.

Phật giải về cái Vô-ngã

(Nhờ nghe giải bài này mà bốn thầy trong bọn ông Kiều-trần-Như được thành A-la-hán)

Các thầy Ti-Kheo này! Cái sắc-thân nó chẳng phải là ta. Các thầy Ti-Kheo này! Nếu cái sắc-thân nó là ta, thì nó không phải chịu đều đau-đớn và khổ não, thì các thầy nên nói như vậy: Ta muốn cái thân ta như thế này, ta không muốn nó như thế kia. Các thầy Ti-Kheo này! Bởi cái sắc-

thân chẳng phải là ta, vì nó phải chịu đều đau-đớn và khổ-não, như vậy thì các thầy không nên nói : Ta muốn cái sắc-thân ta như thế này, ta không muốn nó như thế kia.

Các thầy Ti-Kheo này ! Cái Thọ chẳng phải là ta... Cái Tướng chẳng phải là ta... Cái Hành chẳng phải là ta... Cái Thức chẳng phải là ta...

Các thầy Ti-Kheo này ! Nếu nó phải là ta, thì nó không phải chịu đều đau-đớn và khổ-não, thì các thầy nên nói như vậy : Ta muốn nó như thế này, ta không muốn nó như thế kia. Nhưng các thầy Ti-Kheo này ! Bởi Thọ, Tướng, Hành, Thức, chẳng phải là ta, thì các thầy không nên nói như vậy : Ta muốn nó như thế này, ta không muốn nó như thế kia.

Các thầy Ti-Kheo này ! Các thầy tướng thế nào ? Cái sắc-thân, nó được lâu dài hay là không được lâu dài ?

— Bạch, nó không được lâu dài.

— Cái chi mà không được lâu dài, thì đau-đớn hay là không đau-đớn ?

— Bạch, là đau-đớn.

— Cái chi hay đau-đớn và không được lâu dài, thì phải chịu phép thay đổi luôn. Vậy thì, một bậc Thiện-tri-thức, thông rõ đạo-lý, luận về cái sắc-thân, có nên nói : cái này là ta, ta là cái này, cái này là của ta không ?

— Bạch, không nên nói.

— Các thầy Ti-Kheo này ! Các thầy tướng thế nào ? Cái Thọ có được lâu dài không ? Cái Tướng có được lâu dài không ?... Cái Thức có được lâu dài không ?... Cái Hành có được lâu dài không ?...

— Bạch, không được lâu dài.

— Cái chi không được lâu dài, thì khổ hay là không khổ ?

— Bạch, là khổ.

— Cái chi không được lâu dài và chịu điều khổ-não, thì phải chịu phép thay đổi luôn. Thế nào, một bậc Thiện-tri-thức, thông rõ đạo-lý, luận về cái ta, có nên nói : Cái này là ta, ta là cái này, cái này là của ta không ?

— Bạch. không nên nói.

Bởi các cơ ấy, các thầy Ti-Kheo này! các sắc-tướng đời trước, đời này, hay đời sau, trong hay ngoài, dày hay mỏng, dơ hay sạch, xa hay gần, cả thấy đều chẳng phải là ta, ta chẳng phải là cả thấy đó, cả thấy đó đều chẳng phải là của ta. Đó là điều mà bậc thông rõ đạo-lý phải suy xét như vậy.

Cũng bởi các cơ ấy, các thầy Ti-Kheo này! bậc Thiện-tri-thức hiểu rõ đạo-lý phải nói như vậy: Cái Ngũ-Uần mà ta có đây, thì ta biết nó chẳng phải là ta; nếu ta thấy rõ như vậy rồi, thì ta chẳng còn sa-mê cõi trần này nữa, không còn sa-mê, thì ta chẳng còn tham-lam, vọng-tướng, ta được vào Niết-Bán trọn vẹn vậy; cái kiếp này là kiếp chót của ta; ta vào chốn thiêng-liêng; ta chẳng còn biết cái thân nào khác hơn cái thân này nữa.

Trong khi Phật Diệt-Độ, Đế-Thích có nói như vậy:

Thật như vậy, các sự gì mà có tạo-tác ra là không được lâu dài cả. Có sanh thì có diệt, có sống thì có chết, ấy là lẽ thường. Không sanh không diệt mới là được khoải lạc thiêng-liêng vậy.

Phật giải về lục căn

Các thầy Ti-Kheo này! cả thấy đều bị lửa đốt. Mà cả thấy đó là cái chi đâu? Các thầy Ti-Kheo này! mắt thấy đó, thì bị lửa đốt, vật thấy đó, thì bị lửa đốt, biết vật thấy đó, thì bị lửa đốt, cảm giác vật thấy đó, thì bị lửa đốt, sự cảm-giác sanh ra bởi cảm-rúc thì bị lửa đốt, bất hạnh vui hay khổ, không vui hay không khổ, các sự cảm-giác đó đều bị lửa đốt. Mà các đều này bị lửa chi đốt vậy? Bị lửa: tham, sân, si nó đốt; bị sanh, lão, bệnh, tử, tội-lỗi, than-van, khô-nảo buồn-rầu, rên-siết, thất-vọng nó đốt. Đó là lời của Phật nói vậy.

Tai nghe thì bị lửa đốt, tiếng chi mà tai nghe, thì bị lửa đốt, sự cảm-động sanh ra bởi tai nghe, bất hạnh vui hay buồn, không vui hay không buồn, sự cảm-động đó cũng đều bị lửa đốt, Bị lửa chi đốt? Bị lửa tham, sân, si nó đốt; bị . sanh, lão, bệnh, tử, tội-lỗi, than-van, rên-siết, buồn-rầu, thất-vọng nó đốt. Đó là lời của Phật nói vậy.

(Tới tí, thiệt, thân, ý. Phật cũng giải y như trên kia)..

Biết rõ như vậy rồi, các thầy Ti-Kheo này! bậc trong-sạch thông-hiểu đạo-lý, bắt chún xem, chún những vật thấy, chún biết vật thấy, chún gặp vật thấy, chún sự cảm-giác sanh ra do nơi cảm-xúc, bất hạnh vui hay buồn, không vui hay không buồn.

Chún nghe... Chún ngủ... Chún nếm... Chún đụng chạm... Chún biết... Lúc mà biết chún như vậy, thì các bậc cao-nhân đó được thoát khỏi cái Tham, thoát khỏi cái Tham thì họ được thoát khỏi lưới trần, mà tự mình họ được biết rằng: ta đã được giải-thoát, chẳng còn luân hồi nữa, ta đã được vào bậc Thánh-nhân, phan sự ta đã trọn, ta chẳng còn trở lại cõi trần này nữa. Đó là cái biết của bậc chứng quả vậy.

(Nhờ nghe giải bài này mà ba anh em ông Ka-Diếp và một ngàn đệ-tử của ba ông này đều được đắc quả).

Người nào mà ngũ-quan được bình-tĩnh, cũng như ngựa bị kẻ chẵn chuyên tập cách khéo léo; người nào mà trừ được tánh kiêu-cần, tránh khỏi điều bất-tĩnh, người mà được trọn lành như thế, thì các vị tiên-thánh cũng đều có lòng ao-ước vậy.

Được vui hẳn mà ở đời này, là với những kẻ nghịch, mà lòng mình không nghịch. Được vui hẳn mà ở đời này, là chung với kẻ đau mà mình mạnh. Được vui hẳn mà ở đời này là chung với người mệt mà mình không mệt. Được vui hẳn ở đời này là mình không còn dính-dấp đến việc trần thế nữa. Người nào mà ở nơi vắng vẻ, tâm được thanh-tịnh, suy xét điều chơn-lý trước mắt, thì được khoái lạc luôn.

Biển, biển các thầy Ti-Kheo này! kẻ thế thương hay kêu như vậy, vì họ chưa rõ thông chơn-lý. Nhưng các thầy Ti-Kheo này! bậc Đại-tri-thức không thể kêu biển, biển như vậy được. Đó là chỉ một vùng nước to vậy thôi.

Các Thầy Ti-kheo này ! Mắt thường cho đó là biển : các điều thấy được đó là sóng dợn của biển. Người nào qua khỏi các lượn sóng dữ dội đó, thì người ấy mới đáng làm thầy Sa-môn vậy. Nhờ tâm vững-vàng nên qua mới khỏi biển, có cả sóng gió, hiểm-nguy, mà khi qua đến bờ bèo kia rồi thì mới đứng được trên miếng đất rất chắc chắn và vững-vàng vậy.

Tôi bỉ, tỉ, thiệt, thân, ý cũng giải như trên vậy. Phật tiếp nói thêm nữa rằng : Người nào đã qua khỏi biển rất nguy hiểm, có cả sóng to, gió lớn, thì được sáng suốt, làm bậc thánh-nhơn, là người đã được đi đến bỉ-ngạn vậy.

Phật giải về cái vô-tướng

Cái đó chẳng phải là ta, ta chẳng phải là cái đó, cái đó chẳng phải là của ta. Cũng như một cái thành kia bị lửa cháy, nó chẳng có cháy cái chi của ta hết. Cũng như, một xứ kia bị cướp phá, nó chẳng có cướp phá cái chi của ta hết.

Thức và Danh-Sắc

A-nang-Đa này ! nếu cái Thức không có Danh và Sắc làm nơi nương dựa, thì cái Sanh, Lão, Bệnh, Tử, là nguồn-cội của cái khổ, có thể nào sanh ra được không ?

-- Bạch, không thể nào sanh ra được.

-- Bởi vậy, A-nang-Đa này ! cái nguyên do của cái Thức đó là danh và sắc vậy.

Tại nơi đâu mà có Danh và Sắc ? Danh và Sắc ở đâu mà đến ? Tại bởi có cái thức mới có danh và sắc, bởi có cái Thức nên Danh và Sắc mới đến.

Tại cơ nào mới có cái Thức ? Cái Thức ở đâu mà lại ?

Tại có Danh và Sắc mới có cái Thức. Cái Thức do nơi Danh và Sắc mà lại.

Các thầy Ti-Kheo này ! vị Bồ-tát VIPASSI có nói như vậy : Thức nương theo Danh và Sắc mà Danh và Sắc cũng nương theo Thức vậy.

Ông Xá-Lợi-Phất có nói như vậy: Cũng như hai bụi cỏ lau, ngã đụng nhau, nương lấy nhau, mà đứng được. Nên cái Thức mà có, cũng bởi nơi Danh và Sắc, còn Danh và Sắc mà sanh ra, cũng bởi nơi cái Thức vậy.

Phật giải cho một thầy Bà-La-Môn nghe

(Dịch trong kinh Majjhima Nikaya)

Tôi có nghe như vậy: Có một ngày kia đức Thế-Tôn ở tại Savathi nơi vườn Jetavana (của ông Cấp-có-Độc) có giảng cho các đệ-tử nghe rằng:

Cũng như một miếng vải kia, dính những bùn, đem nhúng vào nước màu, xanh, vàng, đỏ hay đen, thì nó không ăn màu cho mấy, tại bởi miếng vải còn dơ. Các thầy Ti-Kheo này! cũng như một người kia tâm chưa được trong sạch, thì hằng chịu đều khổ-não.

Trái lại, như miếng vải sạch, thì nó ăn nước màu đẹp-đẽ. Cũng như một người kia, tâm được trong sạch, thì hằng được sáng-suốt luôn.

Tâm thế nào, mà gọi rằng bất-tĩnh? Là tâm hiện-tận, ham giàu-sang, hung-dữ, giận-hờn, ganh-ghét, tật-đố, oán-thù, tham-lam, nịnh-hót, xảo-trá, ngang-ngược, kiêu-cần, xất-xược, tự-tôn, tự-trọng. Bao giờ con người biết rằng đó là tâm bất-tĩnh, thì họ mới có lòng chán-nản. Lúc biết chán như vậy, thì họ mới đem lòng tin Phật-Pháp. Bắc Thánh-Nhân được sáng-suốt hoàn-toàn, đi theo con đường đạo-đức, được an-lạc, rõ thấu cả thế sự, được làm chủ cái trí, làm thầy: trời và người, là Phật vậy.

Hết lòng tin Phật-Pháp, biết Pháp đó, Phật dạy theo chơn-lý, vừa lòng tất cả mọi người và cho sự giải-thoát.

Tin có Tăng, có giải-luật; tin sự hành-động và lời đức Thế-Tôn dạy theo chơn-lý. Tin có sự bình đẳng trong nhà Tăng, để được tìm sự khoái lạc mà trong đời không đâu bằng.

Sau rốt diệt-tận được cái lòng tặc-đố. Biết rằng mình chỉ tin Phật, Pháp, Tăng, thì người đó được an vui, trí được sáng-láng. Nhờ vậy mới có thân an-tịnh, thân an-tịnh thì tâm mới an-tịnh.

Thầy Sa-môn được vậy, thì hết lo-sợ buồn-rầu, đau-đớn, khô-não. Cũng như miếng vải dơ kia mà được sạch-sẻ, sau khi nhúng vào nước trong, như vàng được tinh-hảo, sau khi đốt trong lửa.

Cũng như, thầy Sa-môn kia, đã không còn buồn-rầu, đau-đớn, mà lại được tự-do, tự-tại vậy.

Tâm chứa những ý tưởng từ, bi, hỉ, xả, thì được vững-vàng, sáng-suốt, rải khắp bốn phương trời. Khắp thế-giới đều được rước cái ý tưởng vui vẻ đó, cái tri thông-minh hoàn-toàn vô cùng tận không còn biết tới cái hung-dữ và sân, si, là gì.

Thầy Sa-môn đó được biết rằng ; sự giải-thoát nó ở ngoài cái thức. Lúc thấy và hiểu như vậy, thì thầy đã được khỏi bị lăm-lạc, mê-sa sự vui-sướng theo ngũ-quan, khỏi luân-hồi và không còn vô-minh nữa.

Khi được giải-thoát thì thầy biết rằng thầy đã được giải-thoát là không còn phải sanh ra nữa. Như thế ấy thì mới nên nói rằng thầy đó đã được rửa lòng trong-sạch vậy.

Phật giải về cái thân trược

A-nang-Đa nầy ! Biết được cái thân trược là thế nào ?

Đây, A-nang-Đa nầy ! Thầy Sa-môn phải suy xét cái thân bọc trong da chứa đầy những sự dơ, từ bàn chơn lên chí trên, từ đầu và chơn lông cho tới dưới, như vậy :

Trong thân mình có những : tóc, lông, móng tay, răng, da, thịt, gân, xương, tủy-xương, cát, tim, gan, mũi, dải, lá lách, phổi, ruột, ruột non, bao-tử, phần, mặt xanh, mũ, máu, mồ-hôi, mỡ, nước vàng, nước mắt, nước miếng, nước tiểu, dầu, óc, cả thấy đều là trược.

A-nang-Đa nầy ! Thầy Sa-môn phải bền chí gẫm xét về sự trược trong cái thân như vậy.

Đó, A-nang-Đa nầy, người ta gọi là biết được sự trược.

Phật giải về cái khổ

A-nang-Đa này ! Biết được cái khổ là thế nào ?

Đây, A-nang-Đa này ! Thầy Sa-môn phải tham-thiền như vậy :

Thầy phải bị nhiều điều khổ, bởi có cái thân này, phải bị nhiều điều rất khổ vậy. Bởi có nhiều chứng bệnh xảy ra trong cái thân như thế này ; đau mắt, đau tai, đau mũi, đau lưỡi, đau mình, nhức đầu, đau lỗ tai, đau miệng, đau răng, ho, siêng, khạc đờm, nóng lạnh, đau bụng, bị máu xâm, đau kiết, hồi hộp, đau thiên-thời, cùi, nhọt, ho lao, kinh-phong, rết da, gàu, ngứa, ghẻ ngứa, tiểu có mùi ngọt, đau vai, trái, đau trĩ, đau ruột, cảm, bệnh sanh ra bởi có tật, bệnh sanh ra bởi bị quả báo sớm, bệnh đói-bụng ăn không biết no, bệnh hay khát nước và bệnh tả.

A-nang-Đa này ! Đó là những chứng bệnh trong cái thân mà thầy Sa-môn phải hằng gẫm xét. A-nang-Đa này ! Ấy người ta gọi là biết được cái khổ vậy.

Phật giải về sự dứt bỏ

A-nang-Đa này ! Biết được sự dứt bỏ là thế nào ?

A-nang-Đa này ! Bao giờ có nầy sanh ra ý tưởng ; thương-yêu, tham muốn sự quấy (tội lỗi) thì thầy Sa-môn không nên nghĩ tới nó nữa, phải dứt bỏ nó liền, làm cho nó tan mất và diệt tận nó, chớ cho nó sanh ra được nữa.

Khi nào có nóng giận, thì thầy không nên nghĩ tới nó nữa, phải dứt bỏ nó liền, làm cho nó tan mất và diệt tận nó, chớ cho nó sanh ra được nữa.

Mỗi khi có nghĩ tới điều tội lỗi, nghịch hẳn với lẽ đạo, thì thầy không nên nghĩ tới nó nữa, phải dứt bỏ nó liền, làm cho nó tan mất và diệt tận nó, chớ cho nó sanh ra được nữa.

Đó, A-nang-Đa này ! Người ta gọi là biết được sự dứt bỏ vậy.

Phật giải về cái Vô-ngã

A-nang-Đa này, biết được cái vô-ngã là thế nào ?

Đây, A-nang-Đa này, thầy Sa-môn phải gẫm xét như vậy :

Mắt chẳng phải là ta, sắc chẳng phải là ta ; tai chẳng phải là ta, tiếng nghe chẳng phải là ta ; lưỡi chẳng phải là ta, vị chẳng phải là ta, mũi chẳng phải là ta ; mùi thơm chẳng phải là ta, thân chẳng phải là ta, sự đụng (cọ) nhau chẳng phải là ta ; trí chẳng phải là ta ; pháp chẳng phải là ta.

A-nang-Đa này ! thầy Sa-môn phải suy xét về cái lục-căn và lục-trần như vậy.

Đó, A-nang-Đa này ! ấy người ta gọi là biết được cái vô-ngã vậy.

Phật dạy các đệ tử phải xem xét những việc làm, lời nói và ý tưởng cho nhất nhiệm, nếu không vậy thì việc tu-hành khó bề tấn hóa được.

Ở nơi vắng-vẻ thì người tu được tránh khỏi những điều ngăn trở và sự lo lắng. Người ăn tu có thể làm được trọn phần sự hơn người tu ở chùa. Sự tự-trị là một điều rất cần ích để cho tinh-thần mau được tấn-hóa.

Bốn điều nghịch làm trở ngại trong việc tu hành là : tội lỗi, xu-hướng theo bạn dữ, sự lo lắng để nuôi thân, và không được tự-trị. Bởi cơ ấy nên nhà Tăng lập ra để giảm bớt cho nhẹ nhàng các điều khó khăn ấy.

Sự bình đẳng bề ngoài, trong nhà Tăng là : Tăng-chúng phải “đầu tròn áo vuông”. Luật buộc mỗi thầy phải có 3 manh áo, không hơn mà cũng không thiếu. Ngoài ra nữa thì mỗi vị được thêm : một cái bình bát, một sợi dây nịch lưng, một con dao cạo, một cây kim và một cái bình lọc nước.

Luật cấm không cho thầy nào để dành đồ ăn dư ; nghĩa là vật-thực xin ngày nay không được để qua ngày mai.

Phật có nói với A-nang-Đa tôn-giả như vậy : A-nang-Đa này ! các người chớ nên lo đến sự kính trọng cốt hài Như-Lai. Các người chỉ phải rán tu hành cho tinh-thần được được tấn-hóa. Đã có bực sang cả : vua, quan, Bà-la-môn và các nhà tâm đạo sẵn lòng kính trọng Như-Lai ; để cho họ đưa đám và thờ phượng cốt hài Như-Lai.

Sự giải-thoát chẳng phải là ở dạng bề ngoài, nó ở trong tâm người vậy. Sự mê-tin là tin nhờ có pháp chi chi ở ngoài cứu giúp cho, đó là điều rất vô ích và lại thêm nguy-biêm nữa.

Cái chi không được bền vững lâu dài đều là khổ. Con người bị khổ là bởi cả thấy đều không được bền vững. Thân ta đây hay là ngoài nó ra cũng vậy. Có cái chi được hòa-hiệp mà không phân lìa chẳng?

Người thường họ ít hay đề ý suy nghĩ đến sự mau hư-hủy của cuộc thế, họ cứ vui đầu chúc đó. Họ hằng bị « Diêm-Vương » rình bắt luôn, thì có thế nào, họ được an vui chẳng?

Ma-vương nó nghịch hẳn với chơn-lý, nó thích thanh-âm và sắc-tướng. Nó hằng tưởng rằng : cái này là của ta, cái này là ta. Nó bắt con người tại nơi cái tâm-thức. Các sự hành động của ngũ-quan và cái chi để nuôi cái sắc-thân, đều bị mắc vào tay Ma-vương hết.

Thầy Ti-Kheo nào theo bên Ta, nắm chéo áo Ta mà lòng xa Ta, thì Ta cũng xa thầy vậy. Bởi sao? Bởi thầy không thấy Pháp mà không thấy Pháp, tức là không thấy Ta vậy.

Thầy Ti-Kheo nào ở xa Ta trăm dặm, nhưng lòng gần Ta, thì Ta cũng gần thầy. Bởi sao? Bởi thầy thấy Pháp, mà thấy Pháp, tức là thấy Ta vậy.

Phật chan chứa lòng từ-bi với tất cả chúng-sanh, nên ngài đã chỉ con đường đi để diệt cái khổ. Nhưng ngài để cho con người tự mình ân cần lo lắng mà giải thoát lấy.

Ngài nói : Các người rán hết lòng cầu chuyên lấy, chớ Như-Lai chỉ biết khuyên bảo vậy thôi.

Cái quấy của con người làm ra, thì con người phải chịu lấy ; cái tội mà con người tránh khỏi thì con người được trong sạch lấy. Cái lành và cái dữ, sanh ra, chẳng phải tại nơi việc làm, mà tại nơi cái ý muốn.

Ông Mục-Kiền-Liên có hỏi Đức Xá-Lợi-Phất : sự-huynh ôi, tội, tội cái tiếng tội ấy nghĩa là gì?

— Đó là tên của cái ý ác.

Việc làm mà có tội là từ khi con người đã cố ý làm và đã có lòng nhận chịu. Sự vui sướng mà thành nên tội, là từ khi nó còn ở trong cái ý tưởng ham muốn. Lúc nào con người định làm điều ác, thì con người đã mang tội rồi, không cần đã có làm hay là chưa làm.

Sự ăn năn không, cũng chưa đủ mà trừ tội, phải làm lành thêm nữa, làm lành nhiều hơn cái lỗi mới được.

Một vị Bồ-tát mà muốn được rửa khỏi lỗi của ngài đã phạm, thì ngài phải làm theo 4 điều này : tự cáo lỗi mình, làm lành để đền tội, hết lòng dứt-bỏ, theo phép nương nhờ (là qui y).

Tự cáo lỗi mình, là một lòng ăn năn; đền tội là quyết chí làm việc nhơn-đức, dứt-bỏ là nhứt tâm sám-bối, răn mình ở theo giới luật; phép nương nhờ, là qui y tam-bảo

Bởi nguồn cội cái lỗi nó ở trong tâm, thì cái sở hành cũng phải ở nơi trong mới được.

Sự tri-chí là cái máy phép để làm lành; nó ở trong cái đức-tin; nó là điều rất cần ích cho: giải, định, tuệ. Lúc mới vào đạo, thì người tu phải tỏ lòng chí khí trong lời nguyện như vậy:

Nếu tôi không hết lòng tri-chí, tu hành cho đến khi đạt được mục-đích, thì tôi nguyện xin cho thân này (da, thịt, gân, cốt, máu) đều bị khô héo.

Thế nào gọi là kềm chế ngũ-quan?

Như gặp sắc tốt thì phải thãm tưởng:

Cái sắc tốt này nó dục cho ta phải chịu nhiều điều khổ-não, thì ta sanh lòng gớm ghê.

Khi thấy vật chi không vừa lòng, thì nói thãm: ta không nên gớm những vật đáng gớm, thì ta không gớm ghê.

Ái đi ! ta biết người ở tại nơi đâu mà sanh ; người sanh tại nơi cái ý muốn. Nhưng, ta không muốn người sanh, thì người không được sanh ở trong tâm ta vậy.

Muốn cho được vậy, thì phải tập luyện và xem xét cái trí cho nhất-nhiệm và hết lòng gìn giữ lục căn. Như thế, thì sự chăm-chỉ, cần-thận là điều cần-yếu mà ông thầy hằng khuyên đệ-tử phải cho có. Nó lại hơn cái hạnh từ-bi nữa, nó là gốc của cái nền đạo-đức vậy.

Thầy Ti-Kheo, phải thường xem xét luôn đến cái thân thầy : hăng vững-vàng, chăm-chỉ, cũng không lòng ham-muốn và than-trách như kẻ thế. Có sự chăm chỉ là khi nào thầy đã làm chủ được ngũ-quan và một lòng làm theo chơn-lý.

Sự chăm-chỉ là để ngăn-ngừa cái trí, không cho nó lăm-lạc ra ngoài con đường đạo.

Thầy Ti-Kheo nào ý mình đã được tấn hóa mà không hết lòng chăm chỉ trong việc hành đạo, thì sẽ bị nguy to.

Người nào còn ở tại-gia, chưa dứt được ái tình.

Có một vị Hoàng-tử nhà Thích-Ca bạch với Phật như vậy : tôi suốt thông đạo lý, nhưng không rõ tại sao tôi hằng bị cái tham, sân, si nó phá tôi luôn ? Phật nói : đó là tại người chưa dứt được tánh nết xấu-xa, tội-lỗi. Nếu người đã được dứt xong, thì người không còn ở trong nhà được và không còn ăn uống theo ý thích người nữa. Được định trí là nhờ có sự dứt-bỏ ; chớ ở chốn phiền ba thì không thể nào mà có sự an lạc được.

Những kẻ mới vào đạo, nên tránh xa năm điều vui sướng này, nó làm cho tinh-thần lâu được tấn-hóa.

1. — Vui theo thế-sự.
 2. — Nói nhiều.
 3. — Ngũ nhiều.
 4. — Có nhiều việc.
 5. — Hay chiều theo việc nhỏ mọn và sự xảy đến bất-kỳ.
-

Thầy Ti-Kheo muốn được thanh tịnh, thì thầy phải dùng cơm nơi vắng-vẻ. Nếu thầy ở nơi tịch-mịch, thì cảnh ấy phải cho phù-hợp với sự tham-thiền. Thầy phải chọn nơi nào không nên xa lắm mà cũng không nên gần làng-xóm lắm cho dễ bề khát-thực, có nước trong, có cây, lá, xa thú dữ, và được hứng cảnh êm-dềm.

Phật muốn cho kẻ học đạo có sự vui vẻ (theo lẽ chánh) nên ngài hằng khuyên đệ-tử phải giữ gìn giới-luật, có lòng từ-bi, bác-ái, tri chí và có sự vui-vẻ theo lẽ chánh.

Thế nào là hành đạo cho mau được kết-quả, là thầy Ti-Kheo phải tránh sự khổ hạnh và không nên bỏ sự vui-vẻ phải lẽ.

Khi nào người tu gặp kẻ dữ, thì không nên để ý tưởng ghen-ghét hay quở trách kẻ đó. Đã không nên xử đoán mà lại phải tỏ lòng muốn khuyên dạy người tội-lỗi đó nữa.

Thầy Ti-Kheo có đạo đức là khi được đắc Giải-Định-Tuyệt, thầy không nên gọi mình là đủ, và khi-dễ ai, cũng không nên khoe mình, mà phải hằng hết lòng tinh-tấn tu hành cho công-đức được cao thêm nữa.

Sự nặng-nề của con chim thì chỉ có cặp cánh của nó, nên nó được thong thả, muốn bay đi đâu thì cũng chỉ có bấy nhiêu. Cũng như thầy Ti-Kheo kia được no ấm thì chỉ nhờ có ba manh áo và cơm của kẻ tâm đạo. Đi đũa đâu thì thầy chỉ có tam-y và cái bình bát. Ai cho cũng không, gặp cảnh khổ cũng vui, sự khen chê, sang-hèn, sanh-tử, đối với kẻ nghịch cũng bạn lành thầy vẫn được tự-do thơ-thời, và không lòng tạt-đổ cũng quở trách ai.

Phật dạy con người phải hết lòng gìn giữ lấy mình luôn luôn, để được ngăn ngừa các điều dữ xảy đến trong cái kiếp hiện tại và vi-lai. Bởi cái phước hay là cái tội, sanh ra do nơi cái nhân lành hay, dữ; chắc như vậy.

Số mạng của con người trong kiếp này (tội lỗi, tật bệnh, dốt nát, yếu đuối, đau ốm) đều tại nơi con người đã làm ra cả, vậy con người nên trong cậy lấy mình, bởi các sự khổ đều do nơi tội lỗi, mà sanh ra.

Rất hữu phước cho những người được ở nơi vắng-vẻ, được phi-chí, nghe và thấy chơn-lý.

Rất hữu phước cho những người không lòng độc ác, làm hại đến loài động-vật.

Rất hữu phước cho những người đã được dứt-bỏ lòng yêu-mến việc trần-thế, và trừ được đều ham-muốn. Nhưng, ai mà không lòng ngã-chấp, (là chấp có cái ta), đó mới thật là đều hạnh phúc vô-thượng.

Biết được rằng không có cái ta, thì các bậc tu Phật cho đó là nguồn-cội cái phúc-quả vô-lượng vậy. Nó là cái giáp-sắc để ngừa các tội lỗi và sự kinh-hãi xảy đến cho con người.

Bao giờ mình biết được rằng không có cái chi là ta, cũng không có cái chi là của ta, thì đối với những vật chi cùng với người nào mình cũng không có lòng yêu dấu và ghen ghét, hay là sợ hãi cả.

Niết-bàn

Phật nói cho ông Purna nghe như vậy: nhờ cái biết, nên ta mới thấu lẽ hư-không của ngũ-uẩn, nên ta không còn nhiệm bực trần nũa. Ta chỉ tìm sự cần ích. Ta sẽ diệt-dộ.

Có thầy Ba-la-môn kia, hỏi đức Xá-Lợi-Phất như vậy: Niết-Bàn, Niết-Bàn, các ông cứ nói Niết-Bàn hoài. Vậy Niết-Bàn là gì đâu?

— Là dứt tham, sân, si. Thầy ôi đó gọi là Niết-Bàn vậy.

— Thành, thành, các ông cứ nói Thành, Thành hoài, vậy Thành là thế nào?

— Là dứt tham, sân, si, Thầy ôi! đó gọi là Thành vậy.

Lời dẫn

Phật có dạy rằng: những kẻ có tâm-đạo, như có nghe hoặc có xem kinh, nghe hay là có xem rồi thì phải nhớ vào lòng, để mà suy-xét cho thấu lẽ đạo. Có thấu lẽ đạo mới có đức-tin, có tin chắc mới có mong-tới, mới có chăm-chỉ, mới có định và có tuệ, rồi mới có giải-thoát.

Vậy mình nên dùng hết tri-tuệ để suy gẫm những lời của Phật đã giáo truyền. Phải suy đi xét lại cho nhiều lần mới được suốt thông nghĩa lý trong mỗi bài giảng, cho được in vào trong trí, thì nhập định mới mau có kết quả. Bằng trí chưa chịu tin thì tâm hay phóng, tâm hay phóng thì không đại-định được; đại-định không xong thì mong gì mà đắc-tuệ.

Thái-Tử Sĩ-Đạt-Ta xưa kia, trước khi nhập-định thì ngài hằng suy xét về:

1. — Cái vô-thường.

2. — Cái khổ-não.

3. — Cái vô-ngã.

rồi ngài mới nhập-định theo Sơ-Tức-Quan.

Các bậc A-la-hán trước kia cũng nhờ tưởng và suy gẫm thấu lẽ Phật ngôn rồi nhập-định mới được nên quả-vi.

Vậy, chẳng phải xem qua một đôi lượt rồi thôi mà gọi rằng đủ. Phải suy gẫm cho tốt lẽ. Bài nào được hiệp trí mình thì nên đem ra mà suy nghĩ một, hai tháng cho thâm-thúy rồi sẽ tới bài khác.

Xin các bậc có tâm-đạo nên lưu-ý đến.

Kính

LÊ-VĂN-GIANG

Pháp ngăn-trở

(nivaranadharmā)

Những duyên-cớ làm cho sanh pháp ngăn-trở pháp thiền-định có 5 thứ :

1.-- Sự thấy sắc mà cho là xinh-đẹp (*subhanimitta*) là nhân sanh ra tình-dục (*kamacchanda*).

2.-- Sự uất-ức, bất-bình (*padighanimitta*) là nhân sanh ra oán-thù (*byāpada*).

3.-- Sự không vui (*arati*), lười-biếng (*taṇhī*), không thay đổi oai-nghi (*vijambhitā*), mê-ăn (*bhattasammada*), giải đãi (*sinacitta*) đều là nhân sanh ra hôn-trầm (*thina niddha*).

4.-- Lòng không yên-tĩnh (*cetaso avūpasama*) là nhân sanh ra phóng tâm (*uddhacca kukkucca*).

5.-- Sự không suy-tưởng và ghi-nhớ vào lòng là nhân sanh ra hoài-nghi (*ayonisomanasikāra*).

PHƯƠNG-PHÁP DỨT TÌNH-DỤC CÓ 6 PHÉP :

1.-- Phải học lấy pháp thiền-định về những vật bất-tĩnh (*asubhanimitta uggaho*).

2.-- Phải cố-gắng tu pháp thiền-định về những vật bất-tĩnh (tử thi) (*asubhāvanānuyogo*).

3.-- Phải thu-thúc lục căn (*indriyesu guttadvāratā*).

4.-- Phải tiết-kiệm trong việc ăn, uống (*bhojane mattan-nulā*).

5.-- Phải năng xu-hướng theo bậc thiện-tri-thức (*kalyānamittatā*).

6.-- Phải chỉ nói lời điệu-ngọt (*sappāyakathā*).

PHƯƠNG-PHÁP DỨT OÁN-THÙ, CÓ 6 PHÉP :

1.-- Phải học pháp thiền-định về lòng bác-ái (*mettā nimittassa uggaho*).

2.-- Phải cố-gắng tu pháp thiền-định về lòng bác-ái (*mettā bhāvanānuyogo*).

3.-- Phải suy-tưởng cho thấy rõ tất cả chúng sanh đều có cái nghiệp là của mình (*kammassakatā paccavekkhanā*).

4.-- Phải tinh-tấn suy-tưởng cho thường thường (*patī-saṅghānabahulatā*).

5.-- (xem theo số trước)

6.-- (id.)

PHƯƠNG-PHÁP DỨT HÔN-TRẦM CÓ 6 PHÉP :

1.-- Phải nghi nhớ và suy-cứu đến sự ăn, uống quá-độ (*atibhojane nimittaggāho*).

2 -- Phải thay-đổi oai-nghi cho vừa an (*iriyāpatha sam-parivallanatā*).

3.-- Phải nghi nhớ tìm xem ánh-sáng (*ālokasannāmanasikāro*).

4.-- Phải chỉ ở nơi trống trải (khoãng-khoát) (*abbhokasavāso*).

5.-- (xem theo số trước).

6.-- (id.)

PHƯƠNG-PHÁP DỨT PHÓNG-TÂM, CÓ 6 PHÉP :

1.-- Phải thông hiểu kinh luật nhiều (*bahussutatā*).

2.-- Phải siêng-năng học, hỏi đều phải, lễ quấy, (*paripucchakatā*).

3 -- Phải thuộc nắm lòng giải-luật (*vinaye pakantannutā*).

4.-- Phải xu-hướng theo bậc lão-thành như là bậc đại-đức ti-khưu (*vuddhasevitā*).

5.-- (xem theo số trước)

6.-- (id.)

RHƯƠNG-PHÁP DỨT HOÀI-NGHI CÓ 6 PHÉP :

1.-- Phải thông hiểu kinh-luật nhiều (*bahussutatā*).

2.-- Phải siêng-năng học hỏi đều phải lễ quấy (*paripucchakatā*).

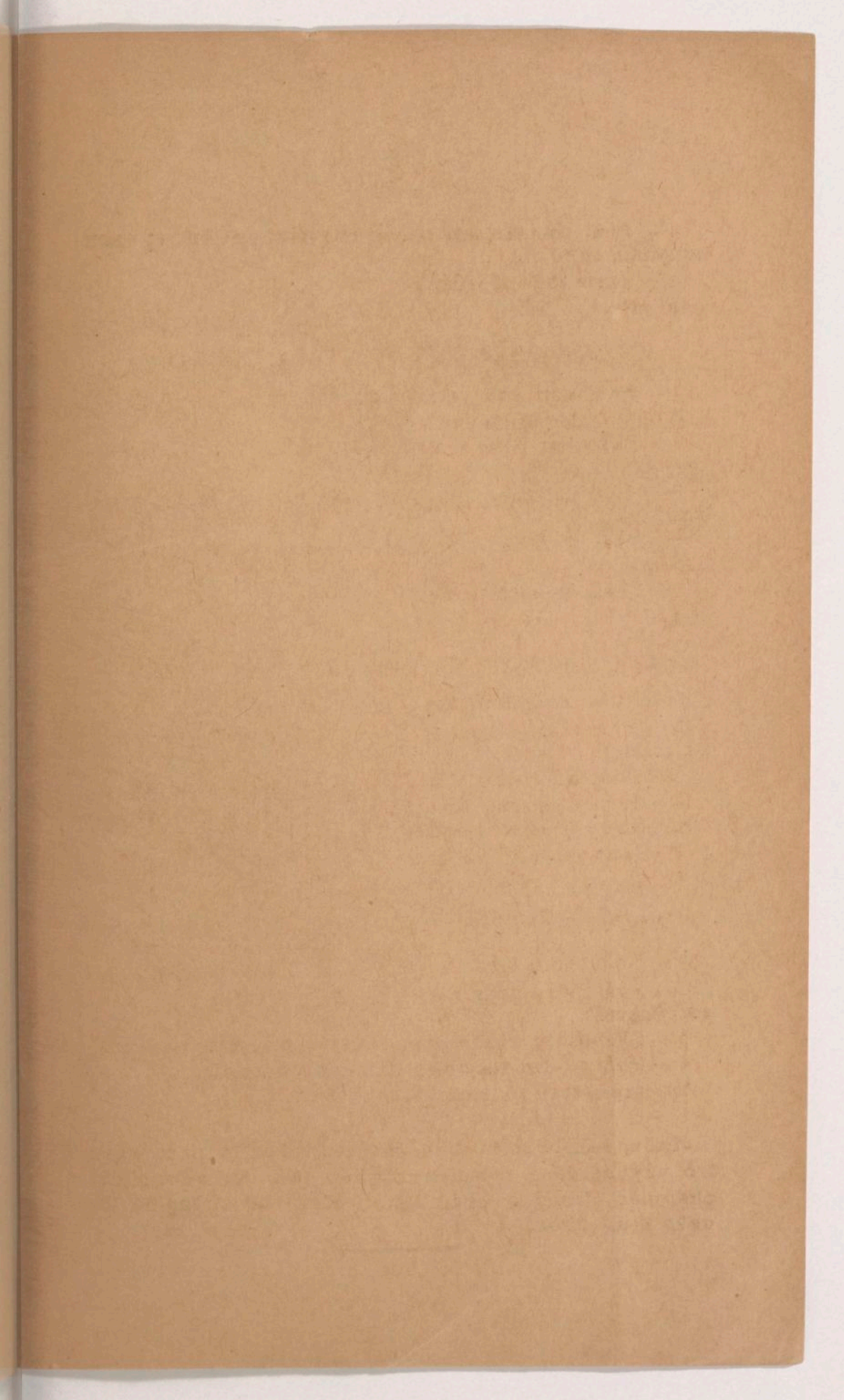
3.-- Phải thuộc nắm lòng giải-luật (*vinaye pakantannutā*).

4.-- Phải có đức-tin nhiều (*adhimokkhabahulatā*).

5.-- (xem theo số trước)

6.-- (id.)

Những bậc tu thiền-định phải cần thông rõ pháp ngăn trở này, để đặng trừ-diệt nó. Nếu tâm còn vướng một pháp nào (trong 5 pháp ngăn trở ấy) thì không có thể nhập định được.



30 / 10 6

1000

LUU PHU

Le Van Giap

Fruiy v. main

1/8 of Esague Saigon

